



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2021

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

1.1. Thông tin công ty

Tên Công ty	Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam
Tên Tiếng Anh	Viet Nam Sea Transport and Chartering Joint Stock Company
Tên viết tắt	Vitranschart JSC
Mã cổ phiếu	VST
Vốn điều lệ	629.993.370.000 VND
Trụ sở chính	428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, TP.HCM
Điện thoại	(028) 3940 4271
Fax	(028) 3940 4711
Website	www.vitranschart.com.vn
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 02 tháng 11 năm 2021 với mã doanh nghiệp là 0300448709
Logo	

1.2. Quá trình hình thành và phát triển

Giai đoạn	Quá trình hình thành và phát triển
1975	Công ty Vận tải biển Miền Nam Việt Nam được thành lập theo quyết định số 16 VP/QĐ/TC, Tổng cục Giao thông vận tải
1976	Theo quyết định số 4683/QĐ-TC của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải xác định Công ty Vận tải biển Miền Nam Việt Nam (SOVOSCO) là Xí nghiệp vận tải thuộc Cục đường biển Việt Nam.
1984	Công ty Vận tải và Thuê tàu biển “Transchart” và “Công ty Vận tải biển Sovosco” được hợp nhất thành Công ty Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam (Vitranschart) trực thuộc Tổng cục Đường biển Việt Nam theo Quyết định số 706/TCCB của Bộ trưởng Giao thông vận tải.
1993	Bộ Giao thông vận tải đã ban hành việc thành lập lại DNNN Công ty Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam trực thuộc Cục Hàng Hải Việt Nam theo Quyết định số 377/QĐ-TCCB-LĐ, tên giao dịch quốc tế là Vietnam Sea transport and Chartering Company (Vitranschart)
2007	Công ty Cổ phần Vận Tải và Thuê Tàu Biển Việt Nam được thành lập – Tên viết tắt là Vitranschart JSC
2009	Ngày 20/2/2009, SGDCK TP.HCM cấp giấy chứng nhận niêm yết số 14/QĐSGDHCM cho phép Công ty được niêm yết 40 triệu cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và mã cổ phiếu VST chính thức được giao dịch vào ngày 26/2/2009.
2010	Công ty tăng vốn điều lệ từ 400.000.000.000 đồng lên 589.993.370.000 đồng để phục vụ cho hoạt động mở rộng sản xuất kinh doanh.
2015	Ngày 10/06/2015, Công ty đăng ký giao dịch trên sàn của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (Upcom) với mã cổ phiếu VST.
2018	Công ty tăng vốn điều lệ từ 589.993.370.000 đồng lên 609.993.370.000 đồng.
2020	Công ty tăng vốn điều lệ từ 609.993.370.000 đồng lên 629.993.370.000 đồng.
2020- Nay	Công ty tập trung mọi nguồn lực để duy trì hoạt động ổn định, vượt qua những khó khăn về tài chính và những trở ngại trong kinh doanh.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

2.1. Ngành nghề kinh doanh

Các ngành nghề kinh doanh chi tiết của công ty như sau:

- Vận tải biển: Là lĩnh vực kinh doanh then chốt của Công ty, chuyên về khai thác, cho thuê tàu với năng lực gồm đội tàu có 07 chiếc, trọng tải từ 6.500 DWT đến 24.000 DWT với tổng trọng tải 144.890 DWT, chuyên chở hàng khô rời đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng trong nước và quốc tế.
- Tuyển dụng và cung ứng lao động hàng hải: Tuyển dụng, đào tạo, cung cấp thuyền viên có trình độ và kinh nghiệm cho đội tàu công ty và các chủ tàu trong nước, ngoài nước (Nhật Bản, Đài Loan, v.v...)

2.2. Địa bàn kinh doanh

Địa bàn	Tỷ trọng (%) 2020	Tỷ trọng (%) 2021
Khu vực Đông Nam Á - Đông Bắc Á - Đông Nam Á	40%	34%
Khu vực Đông Nam Á - Nam Á	6%	18%
Khu vực Đông Nam Á	23%	12%
Khu vực Đông Bắc Á - Nam Á	3%	9%
Khu vực Đông Bắc Á	9%	7%
Khu vực Đông Nam Á - Tây Á	0%	6%
Khu vực khác	19%	14%
Tổng cộng	100%	100%

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1. Mô hình quản trị:

Mô hình quản trị Công ty theo quy định tại điểm a, Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020, theo đó gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc.

Vitranschart JSC là đơn vị thành viên của **Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP (VIMC)**. Số lượng cổ phần VIMC nắm giữ: 29.888.000 cổ phần, chiếm 47,44% vốn điều lệ của Vitranschart JSC.

Trụ sở chính VIMC: Tầng 17, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, Phường Mai, Hà Nội.

Hoạt động kinh doanh chính của VIMC:

- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương, đường thủy nội địa, đường bộ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải.
- Hoạt động điều hành cảng biển, cảng đường thủy nội địa.
- Hoạt động đại lý, giao nhận vận chuyển, logistics; kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

Công ty con

Công ty TNHH Cung ứng Thuyền viên SCC (SCCM)

Vốn điều lệ: 5.000.000.000 đồng Tỷ lệ góp vốn: 100%

Trụ sở chính: Số 36 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Đakao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Hoạt động kinh doanh:

- Quản lý và Cung ứng lao động hàng hải;
- Các dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;

Công ty TNHH Quản lý tàu biển Hải Đăng (HaiDang SMC)

Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng Tỷ lệ góp vốn: 100%

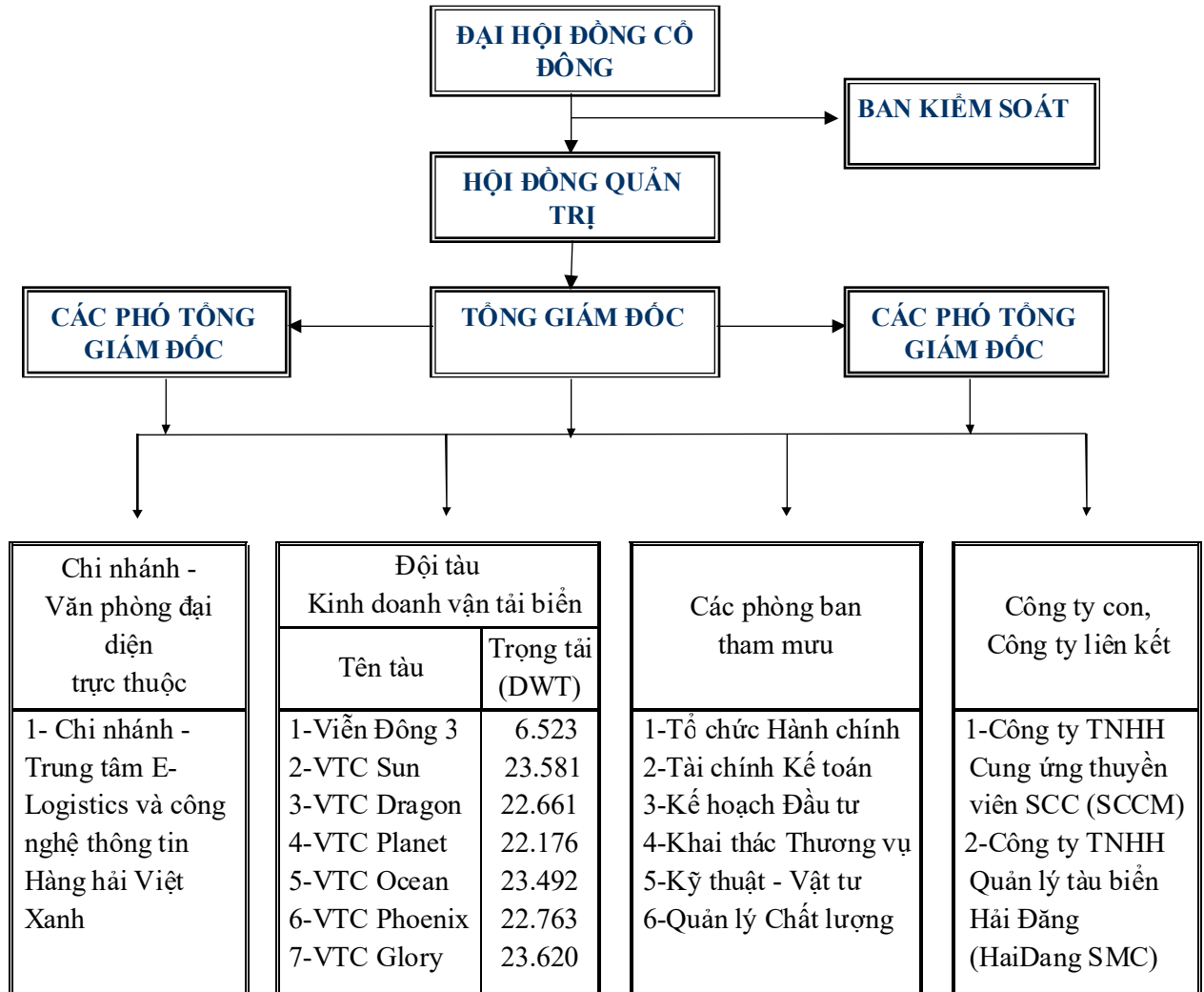
Trụ sở chính: Số 428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Hoạt động kinh doanh:

- Kinh doanh vận tải biển, bao gồm Thuê và Cho thuê tàu biển;
- Dịch vụ quản lý tàu biển;

* Ngày 29/11/2021, Công ty Cổ phần Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam đã hoàn thành việc thoái toàn bộ vốn góp tại Công ty CP Cung Ứng Dịch Vụ Hàng Hải & XNK Phương Đông – PDIMEX JSC (Công ty liên kết, tỷ lệ góp vốn: 26,46% vốn điều lệ)

3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý



4. Định hướng phát triển

Phương án kinh doanh: Mục tiêu chủ yếu của Công ty là ổn định và phát triển các dịch vụ kinh doanh chủ lực, tìm kiếm cơ hội đầu tư, thường xuyên tìm kiếm và phát triển quan hệ kinh doanh với các đối tác nước ngoài. Khai thác tốt các nguồn lực về vốn, nhân sự, đại lý, tập trung đầu tư và nâng cao chất lượng các dịch vụ cơ bản, sàng lọc loại bỏ các dịch vụ hiệu quả thấp.

Kế hoạch tài chính:

- Thực hiện cơ cấu tài chính, cơ cấu các khoản nợ vay phù hợp với tình hình thực tế.
- Trình VIMC tiếp tục kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét cho Vitranschart JSC được xóa lãi vay và khoan nợ gốc đối với các dự án đầu tư đóng mới theo chỉ đạo trước đây của Chính phủ tại Ngân hàng phát triển Việt Nam (VDB).

Phát triển nguồn nhân lực:

- Rà soát lao động hiện có nhằm điều chỉnh, phân bổ, tuyển dụng, sử dụng, đào tạo hợp lý.
- Vận hành Hệ thống chỉ số đánh giá hiệu quả công việc trọng yếu (Key Performance Indicator - KPI) theo phương pháp thẻ điểm cân bằng (Balanced Scorecard - BSC) và tích hợp trả lương 3Ps.
- Đánh giá đúng mức cán bộ trên cơ sở khả năng, năng lực công tác, có chính sách đãi ngộ đối với cán bộ giỏi, có năng lực.
- Phân công công việc đúng năng lực trình độ của mỗi người lao động.

- Định biên phù hợp với nhiệm vụ, công việc: Định biên lại theo trung bình tiên tiến, cùng với xu hướng giảm dần định biên hiện nay đối với tất cả các khối, đặc biệt là khối gián tiếp (phục vụ, quản lý).
- Nghiêm túc thực hiện đánh giá năng lực thuyền viên, phỏng vấn trước khi Công ty thuê và bố trí lên tàu.
- Chú trọng công tác đào tạo, huấn luyện, nâng cao chất lượng tay nghề, nghiệp vụ chuyên môn, trình độ ngoại ngữ cũng như đạo đức nghề nghiệp cho các thuyền viên;

Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

Chiến lược phát triển bền vững với trách nhiệm xã hội là nền tảng đã, đang và sẽ luôn là trọng tâm trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của Vitranschart JSC, bởi sự thành công của một doanh nghiệp không đơn thuần là những con số doanh thu thể hiện trên báo cáo tài chính mà còn là những giá trị thiết thực và lâu dài mà doanh nghiệp đó xây dựng, đóng góp cho cộng đồng.

- ✚ Vitranschart JSC luôn chú trọng công tác bảo vệ môi trường, xử lý những chất thải cũng như không ngừng tìm tòi thêm sáng kiến, phương pháp nhằm sử dụng hiệu quả nhiên liệu, giảm tối đa khí thải gây nên hiệu ứng nhà kính, bảo đảm môi trường biển xanh sạch theo quy định của IMO. Ngoài ra, định kỳ Công ty phát động các phong trào làm sạch đẹp văn phòng và đường phố nơi Văn phòng tọa lạc.
- ✚ Thực hiện tốt các chế độ, chính sách, đảm bảo đời sống, việc làm đối với cán bộ nhân viên, sỹ quan thuyền viên để người lao động yên tâm công tác, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.
- ✚ Tiếp tục xây dựng, tổ chức các hoạt động tập thể, phong trào thi đua của Công đoàn Công ty, góp phần nâng cao tinh thần gắn bó giữa cán bộ nhân viên, sỹ quan thuyền viên trong Công ty, duy trì các hoạt động "Đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn" của Công ty nhằm nâng cao tinh thần tương thân tương ái của CBNV với xã hội và cộng đồng, đồng thời giữ vững và phát huy truyền thống tốt đẹp của Công ty.

5. Các yếu tố rủi ro

5.1. Rủi ro kinh tế và chính trị

Năm 2021 rất nhiều khó khăn, nổi bật nhất là đại dịch Covid-19 bùng phát mạnh trên toàn cầu. Đại dịch Covid-19 với biến chủng Delta hoành hành nhiều nơi trên thế giới theo từng cấp độ và mức độ khác nhau. Trình trạng phong tỏa, hạn chế đi lại và các lệnh áp đặt khác trong việc phòng chống Covid-19 đã gây rất nhiều khó khăn cho kinh tế thế giới và ngành vận tải biển. Ngành vận tải xăng dầu bị ảnh hưởng nhiều nhất, các ngành hàng container, gas và hàng khô rời ít bị tác động hơn. Dòng hàng hoá vận chuyển bằng đường biển bị gián đoạn tùy theo từng khu vực và sự đối phó của chính quyền từng nơi. Tàu container Ever Given (20.150 TEU) bị mắc cạn tại kênh đào Suez làm tắc nghẽn tuyến hàng hải huyết mạch Á-Âu này trong gần một tuần hồi tháng 03/2022, cùng với đại dịch Covid-19, sự kiện này làm ảnh hưởng thêm trình trạng gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu.

Đại dịch Covid-19 đã gây khó khăn nghiêm trọng đối với việc chăm sóc sức khỏe Thuyền viên và thay Thuyền viên. Các cảng không cho Thuyền viên lên bờ. Việc thay Thuyền viên ở nước ngoài rất khó, có thể nói gần như không thể thực hiện được, do trình trạng phong tỏa, hạn chế đi lại, hạn chế hoặc không có chuyến bay quốc tế. Ngay cả ở Việt Nam, có nhiều lúc không thể thay Thuyền viên được do dịch bùng phát mạnh và trình trạng phong tỏa, giãn cách xã hội.

Những hạn chế này vừa tạo khó khăn cho ngành vận tải biển (dịch vụ vận tải kém đi, các cảng tắc nghẽn, chờ đợi kéo dài, thiếu nhân lực phục vụ ngành cảng và vận tải biển v.v.); tuy nhiên, những hạn chế này cũng tạo cơ hội tăng cước, đặc biệt cước tàu container và tàu hàng khô rời. Giá thuê tàu hàng khô rời tăng mạnh trong giai đoạn nửa cuối quý II đầu quý III năm 2021.

Ngoài đại dịch Covid-19, những vấn đề khác như chiến tranh thương mại Trung Quốc – Úc, các chính sách hạn chế nhập khẩu của Trung Quốc, bất ổn chính trị tại Myanmar, căng thẳng khu vực Trung Đông v.v. cũng gây nhiều khó khăn cho ngành vận tải biển nói chung và ngành vận tải hàng khô rời nói riêng.

Công ty luôn theo dõi sát tình hình dịch bệnh và tình hình chính trị thế giới, đặt biệt lưu ý tình hình các cảng, các khu vực mà đội tàu công ty đang khai thác hoặc dự kiến hoạt động, chủ động liên hệ các đại lý và các cơ quan hữu quan để nắm tình hình v.v. để từ đó có thể đánh giá rủi ro và chủ động ứng phó.

5.2. Rủi ro pháp luật

Là doanh nghiệp hoạt động dưới hình thức cổ phần và đã đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, vì vậy Công ty chịu sự hướng dẫn và quản lý chặt chẽ bởi các văn bản pháp luật như Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán, Luật Hàng Hải và các Nghị định, thông tư liên quan. Các văn bản pháp lý của nước ta đang trong giai đoạn hoàn thiện nên còn rất nhiều bất cập, chưa rõ ràng để thực thi và thường xuyên thay đổi, điều này đã tác động đến tình hình hoạt động quản trị và kinh doanh của Công ty.

Mặt khác, hoạt động chính của đội tàu Công ty là chuyên chở hàng khô rời thông qua đường biển và giao thương với quốc tế, do đó đội tàu Công ty phải tuân thủ các Bộ luật, các công ước và thông lệ quốc tế về hàng hải rất khắt khe. Ngoài luật và thông lệ quốc tế, đội tàu Công ty cũng phải tuân thủ luật và thông lệ của các quốc gia và vùng lãnh thổ nơi đội tàu khai thác. Công ty sẽ chịu rủi ro nhiều một khi có sự thay đổi bất chợt về luật định.

Cũng do đặc thù luật và thông lệ hàng hải quốc tế, Công ty cũng phải đối mặt với rủi ro bắt giữ tàu xuất phát từ các tranh chấp hay khiếu nại hàng hải.

Các rủi ro về mặt pháp lý do một số ngân hàng khởi kiện để thu hồi nợ theo quy định.

Để hạn chế những ảnh hưởng của rủi ro pháp luật, Công ty thường xuyên theo dõi và cập nhật những văn bản pháp lý mới nhất nhằm có sự thay đổi về chính sách, kế hoạch hoạt động để kịp thời triển khai các biện pháp hướng đến tuân thủ các quy định mới, chú trọng công tác quản trị rủi ro, nhằm giảm thiểu tối đa các rủi ro trong quá trình hoạt động kinh doanh.

Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng và Công ước Lao động Hàng hải 2006 (MLC 2006) còn nhiều điểm bất cập.

Các Quy định về lương Bảo hiểm xã hội và mức lương tối thiểu vùng vẫn còn nhiều bất cập để áp dụng cho Thuyền viên trong thời gian nghỉ dự trữ.

5.3. Rủi ro hàng hải

Ngành vận tải biển là ngành chịu tác động trực tiếp bởi các yếu tố tiêu cực của thời tiết như bão, lốc xoáy, sóng thần, ... Những năm gần đây, do biến đổi khí hậu toàn cầu nên diễn biến thời tiết ngày càng phức tạp và luôn tác động tiêu cực đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Các nhân tố trên không chỉ ảnh hưởng đến vận hành của tàu biển, gây chậm trễ hàng hóa mà còn liên quan đến sự an toàn tính mạng của con người. Ngoài ra, công ty còn phải đối diện với các vấn nạn quốc tế như nạn bắt cóc, cướp biển, bất ổn chính trị trên ngày càng lan rộng ra nhiều vùng biển....

Công ty có chính sách mua bảo hiểm cho con người, tài sản để bảo hiểm cho các rủi ro có thể gây ra tổn thất, đồng thời đảm bảo trang bị các thiết bị an toàn cho người lao động tham gia trực tiếp vào hành trình vận chuyển hàng hóa.

5.4. Rủi ro nguồn nhân lực

Nguồn nhân lực của ngành vận tải biển tương đối khan hiếm do những đòi hỏi gắt gao về trình độ chuyên môn, kỹ thuật cũng như kinh nghiệm khi xử lý các tình huống nguy hiểm có thể xảy ra trong quá trình vận chuyển trên biển. Trong bối cảnh thị trường lao động ngày càng cạnh

tranh gay gắt như hiện nay, việc thu hút và gìn giữ lao động giỏi, có khả năng đáp ứng công việc là mối quan tâm hàng đầu của Công ty, theo đó việc Công ty tuân thủ nghiêm túc Công ước lao động hàng hải Quốc tế (MLC 2006) đã góp phần đáng kể tạo môi trường và điều kiện làm việc của thuyền viên ngày càng được cải thiện rõ rệt.

Công ty luôn chú trọng đào tạo, nâng cao tay nghề cho người lao động cùng với xây dựng chính sách tiền lương minh bạch, công bằng và phù hợp với thị trường lao động. Bên cạnh đó, Công ty cũng tạo cho lao động nhiều cơ hội thăng tiến, sử dụng các chế độ đãi ngộ để duy trì sự gắn bó trung thành của người lao động và thu hút đội ngũ kế thừa trong tương lai.

5.5. Rủi ro khác

Các công ty vận tải biển thường có giá trị tài sản dài hạn và nợ vay lớn (khoảng 80% tổng tài sản và nguồn vốn), do đó lãi suất hay tỷ giá ngoại tệ thay đổi sẽ ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty. Kết thúc năm 2021, tỷ giá giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) ở mức 22.786 đồng/USD, giảm hơn 1% so với tỷ giá hồi đầu năm 2021: 23.096 đồng/USD.

Công ty luôn chủ động nắm bắt tình hình thị trường, lập kế hoạch tài chính và thường xuyên kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện hợp đồng, linh hoạt trong các hình thức thanh toán ... nhằm giảm thiểu tác động của rủi ro do biến động tỷ giá.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Thị trường cước tàu hàng khô rời 03 Quý đầu năm 2021 chứng kiến sự tăng điểm mạnh mẽ ở toàn phân khúc so với Quý IV/2020. Ngay từ tháng đầu năm 2021, thị trường đã hoạt động tích cực nhờ nhu cầu vận chuyển hàng hóa tăng cao sau thời gian dài bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19. Nguồn cung tàu bị thiếu hụt đã đẩy giá cước tàu tăng đáng kể.

Tuy nhiên, sang Quý IV tình hình thị trường diễn biến không như mong đợi, chỉ số cước bị giảm so với các Quý trước. Nguyên nhân là do thị trường đầu năm 2021 có sự tăng trưởng nóng và đến nay Trung Quốc cũng đã cắt giảm đáng kể nhu cầu nhập khẩu mặt hàng quặng sắt để sản xuất thép. Ngoài ra, do tính bất ổn định của thị trường và ảnh hưởng từ thông tin biến chủng Omicron xâm nhập một số quốc gia cũng gây tâm lý e ngại đối với các hoạt động của thị trường.

Cả năm 2021, bình quân chỉ số BDI là 2.947 điểm và BHSI là 1.429 điểm, lần lượt tăng 177% và 222% so với năm 2020. Chỉ số BDI và BHSI đạt cao nhất trong năm lần lượt là: 5.650 điểm (ngày 07/10/2021) và 2.062 điểm (ngày 25/10/2021). Tại thời điểm kết thúc năm 2021, chỉ số BDI và BHSI đạt lần lượt là 2.217 và 1.466 điểm.

1. Tình hình sản xuất kinh doanh:

Trong năm 2021, Công ty đã rất nỗ lực tận dụng các cơ hội của thị trường, đưa ra các giải pháp tăng doanh thu, kiểm soát chi phí, thực hiện đồng bộ các giải pháp nên kết quả kinh doanh đã được cải thiện rõ rệt. Công ty đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch năm 2021, đặc biệt chỉ tiêu lợi nhuận đã đạt mức dương sau nhiều năm. Kết quả kinh doanh (hợp nhất) năm 2021 của Công ty như sau:

Chỉ tiêu	DVT	TH 2020	KH 2021 (*)	TH 2021	TH 2021/ TH 2020	TH 2021 / KH 2021
1. Sản lượng vận chuyển	Nghìn Tấn	1.475,35	1.390,00	1.431,26	97%	103%
3. Tổng doanh thu (*)	Tỷ VND	420,37	425,57	633,46	151%	149%
4. Lãi (+)/Lỗ (-)	Tỷ VND	(302,90)	Cân bằng	0,26		

(*): Tổng doanh thu đã trừ các khoản giảm trừ

Một số chỉ tiêu chủ yếu thực hiện như sau:

Sản lượng: Năm 2021 thực hiện 1,43 triệu tấn.

- So với kế hoạch, sản lượng vận chuyển vượt 3%. So với cùng kỳ, sản lượng vận chuyển giảm 3% do vòng quay chuyển giảm (tàu chạy tuyến xa hơn).

Doanh thu: Tổng doanh thu cả năm thực hiện 633,5 tỷ đồng, vượt 49% kế hoạch và tăng 51% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm:

+ Doanh thu vận tải thực hiện 337,8 tỷ đồng, vượt 37% (91,7 tỷ đồng) so với kế hoạch và tăng 57% (122,9 tỷ đồng) so với cùng kỳ 2021 do giá cước tăng.

+ Doanh thu các dịch vụ kinh doanh khác (đã trừ doanh thu nội bộ) thực hiện 164,6 tỷ đồng, đạt 92% kế hoạch năm và giảm 18% (35,9 tỷ đồng) so với cùng kỳ do tình hình dịch bệnh Covid 19 và thực hiện giãn cách xã hội, các hoạt động cho thuê thuyền viên và cung ứng dầu nhờn cho chủ tàu Nhật Bản cũng bị đình trệ.

+ Doanh thu hoạt động tài chính và Thu nhập khác thực hiện 131 tỷ đồng, vượt 2.570% so với cùng kỳ (năm 2020: 4,9 tỷ đồng), do ghi nhận khoản thu nhập từ xóa nợ gốc và lãi vay.

Lãi (lỗ): Cả năm toàn công ty lãi 261 triệu đồng, đạt yêu cầu cân bằng của kế hoạch 2021, so với cùng kỳ giảm lỗ 303,2 tỷ đồng.

Cụ thể:

- Kinh doanh vận tải: Lỗ 118,8 tỷ đồng. So với kế hoạch giảm lỗ 125,4 tỷ đồng và So với cùng kỳ giảm lỗ 183,8 tỷ đồng;

- Kinh doanh dịch vụ khác: Lãi hơn 119 tỷ đồng, vượt rất cao so với kế hoạch năm và so với cùng kỳ, trong đó:

+ *Hoạt động khác tại Văn phòng Công ty:* Lãi 107,8 tỷ đồng (bao gồm khoản thu từ xử lý nợ tài chính 117,3 tỷ đồng).

+ *Hoạt động cho thuê thuyền viên:* Lãi 11,2 tỷ đồng, đạt 83% so với kế hoạch và giảm 19% so với cùng kỳ 2020.

Công ty con SCCM chính thức đi vào hoạt động độc lập từ ngày 01/01/2020 và đã gặp rất nhiều khó khăn trong năm 2021 do chịu ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19, đặc biệt là công tác thay thuyền viên bị tác động rất lớn bởi lệnh phong tỏa của các nước, không thể mua vé máy bay cho thuyền viên hồi hương. Mặc dù vậy, Lãnh đạo SCCM và tập thể CBNV – SQTV đã vận dụng mọi giải pháp để tháo gỡ khó khăn, phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao và đạt được những thành tích rất đáng khích lệ trong hoạt động cho thuê thuyền viên

2. Tổ chức và nhân sự:

a. Danh sách Ban điều hành (tính tại ngày 31/12/2021):

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ (cp)	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	Trịnh Hữu Lương	Tổng Giám đốc	Đại diện: 9.449.900	Chiếm 15%
2	Mai Thị Thu Vân	Phó Tổng Giám đốc	8.002	Chiếm 0,01%
3	Vương Nguyễn Triều Quang	Phó Tổng Giám đốc	0	0%
4	Lê Kim Phượng	Kế toán trưởng	6.108	Chiếm 0,009%

b. Tóm tắt lý lịch Ban điều hành:

➤ **Ông Trịnh Hữu Lương**

- Chức vụ: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty
- Năm sinh: 1977
- Địa chỉ thường trú: Tổ 6A Trung Liệt, Q. Đống Đa, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư - Thạc sỹ kế toán

Quá trình công tác

Năm	Quá trình công tác
2000 – 8/2006	Chuyên viên phòng TCKT Công ty Vận tải Biển Bắc
9/2006 – 7/2007	Phó phòng TCKT Công ty Vận tải Biển Bắc
8/2007 – 11/2011	Ủy viên HĐQT thường trực kiêm Phụ trách tài chính Công ty Vận tải Biển Bắc
12/2011 – 8/2012	Trưởng Phòng thư ký tổng hợp-Thư ký Tổng giám đốc Tổng Công Hàng hải Việt Nam (HHVN)
8/2012 – 2/2013	Phó trưởng ban tài chính kiêm trợ lý Tổng giám đốc Tổng Công HHVN
2/2013 – 1/2014	Phó trưởng ban kiểm toán nội bộ Tổng Công HHVN
02/2014 – 6/2014	Trưởng Ban kiểm toán nội bộ Tổng Công HHVN
7/2014 – 1/2015	Trưởng ban kiểm toán nội bộ Tổng Công HHVN kiêm trưởng Ban kiểm soát Cảng Hải Phòng
2/2015 – 5/2015	Trưởng ban kiểm toán nội bộ Tổng Công HHVN kiêm trưởng Ban kiểm soát Cảng Hải Phòng; Chủ tịch HĐQT Công ty CP Vận tải Biển Bắc
5/2015 – 4/2016	Trưởng ban kiểm toán nội bộ Tổng Công HHVN kiêm trưởng Ban kiểm soát Cảng Hải Phòng; Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty CP Vận tải Biển Bắc
5/2016 – 5/2020	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty CP Vận tải biển và Thương mại Phương Đông (được đổi tên từ Công ty CP Vận tải Biển Bắc)
6/2020 – 8/2020	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Vận tải biển và Thương mại Phương Đông; Thành viên HĐQT Công ty CP Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam
9/2020 – 4/2021	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Vận tải biển và Thương mại Phương Đông; Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty CP Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam
5/2021 - nay	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Vận tải biển và Thương mại Phương Đông; Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty CP Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam

➤ **Bà Mai Thị Thu Vân**

- Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc Công ty
- Năm sinh: 1974
- Địa chỉ thường trú: 564 Hưng Phú, Phường 9, quận 8, Tp. Hồ Chí Minh
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế, Cử nhân Anh Văn

Quá trình công tác

Năm	Quá trình công tác
1998 - 1/2008	- Kế toán viên Công ty Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam/ Công ty cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam (từ 31/12/2007)
1/2008 - 4/2012	- Phó Trưởng Phòng TCKT Công ty CP Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam
4/2012 - 6/2018	Kế toán trưởng Công ty CP Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam.
7/2018 – 7/2019	Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng Công ty CP Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam
7/2019 đến nay	Thành viên HĐQT, Phó TGĐ Công ty CP Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam.

➤ Ông Vương Nguyễn Triều Quang

- Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Công ty
- Năm sinh: 1982
- Địa chỉ thường trú: 16/8 Nguyễn Văn Hưởng, Phường Thảo Điền, Quận 2, TP.HCM
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ vỏ tàu biển và kỹ thuật Hàng hải

Quá trình công tác

Năm	Quá trình công tác
8/2008 – 10/2016	Chuyên viên chính Phòng kỹ thuật Công ty CP Vận Tải và Thuê tàu biển Việt Nam
11/2016 – 7/2020	Phó trưởng Phòng Vật tư Công ty CP Vận Tải và Thuê tàu biển Việt Nam
8/2020 – nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Vận Tải và Thuê tàu biển Việt Nam

➤ Bà Lê Kim Phụng

- Chức vụ: Kế toán trưởng
- Năm sinh: 1976
- Địa chỉ thường trú: 83 cư xá Nguyễn Văn Trỗi, phường 17, Quận Phú Nhuận, TPHCM
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế ngành kinh doanh tiền tệ - tín dụng, ngành quản trị kinh doanh

Quá trình công tác

Năm	Quá trình công tác
5/2000 - 8/2004	Kế toán viên Trung Tâm Đào tạo, Môi giới và Xuất khẩu Thuyền viên Phía Nam thuộc Công ty Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam
8/2004 - 9/2014	Kế toán viên Công ty Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam, Công ty CP Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam
9/2014 - 7/2019	Phó trưởng Phòng Tài chính kế toán Công ty CP Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam
7/2019 - nay	Kế toán trưởng Công ty CP Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam

c. Những thay đổi trong Ban điều hành:

Trong năm 2021, có sự thay đổi như sau: Ông Tạ Văn Thắng thôi không giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc kể từ ngày 29/04/2021.

d. Số lượng cán bộ, nhân viên tính đến 31.12.2021:

Toàn công ty:

Stt	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
I	Theo trình độ lao động	716	100,00%
1	Trình độ đại học, trên đại học	220	30,73%
2	Trình độ cao đẳng	184	25,70%
4	Trình độ trung cấp	84	11,73%
5	Công nhân kỹ thuật	169	21,26%
6	Lao động phổ thông	57	7,96%
II	Theo loại hợp đồng lao động	716	100,00%
1	Hợp đồng không thời hạn	598	83,52%
2	Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)	8	1,12%
3	Hợp đồng xác định từ 1-3 năm	110	15,36%
III	Theo giới tính	716	100,00%
1	Nam	681	95,11%
2	Nữ	35	4,89%

Thay đổi trong chính sách đối với người lao động

• **Chính sách lương thưởng**

Năm 2021, Công ty chuyển sang áp dụng Quy chế phân phối tiền lương 3Ps chú trọng đánh giá hiệu quả công việc theo KPI, vừa đảm bảo thực hiện đúng các quy định pháp luật về tiền lương vừa khuyến khích và tạo động lực để người lao động hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Xây dựng lại hệ thống thang, bảng lương mới phù hợp Nghị định 90/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019, tiến hành chuyển xếp lương cho toàn bộ CBNV, SQTV theo mức lương tối thiểu vùng là **4.420.000đ**.

• **Chính sách phúc lợi**

Bên cạnh chính sách lương cơ bản, Công ty còn có các chế độ chính sách phúc lợi phù hợp với Bộ Luật Lao động, Luật BHXH, các chế độ phúc lợi theo Thỏa ước lao động tập thể: tham gia đầy đủ các chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm tai nạn 24/24, khám sức khỏe định kỳ hàng năm, trang bị đồng phục và đồ bảo hộ an toàn lao động v.v...

Ngoài ra, Công ty có mua bảo hiểm kết hợp cho tất cả người lao động làm việc ở văn phòng, bảo hiểm P&I cho Sỹ quan thuyền viên làm việc trên đội tàu Công ty. Năm 2021 do ảnh hưởng dịch bệnh nên việc tổ chức hội nghị tuyên truyền kết hợp tham quan nghỉ mát đã không thực hiện được theo đúng kế hoạch. Tuy nhiên, Công ty đã cố gắng chăm sóc cho người lao động vào các dịp Lễ, Tết và tiếp tục duy trì các hoạt động thăm hỏi, tặng quà cho các đối tượng chính sách Công ty (Bà mẹ Việt Nam anh hùng do Công ty phụng dưỡng, cán bộ lãnh đạo, quản lý nghỉ hưu của Công ty) vào dịp Tết Nguyên đán.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn: Do tình hình tài chính khó khăn và cơ chế chính sách chưa cho phép triển khai nên Công ty không thực hiện dự án đầu tư trong năm 2021.

b) Các công ty con: Trong năm 2021, 02 công ty con gồm SCCM và Hải Đăng SMC hoạt động ổn định và hiệu quả.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	TH 2020	TH 2021	% Tăng/giảm
Tổng tài sản	710.505	642.189	
Trong đó:			
- Tài sản ngắn hạn	91.301	171.069	87,37%
- Tài sản dài hạn	619.204	471.119	-23,92%
Doanh thu bán hàng và cung cấp DV	421,164	502,825	19%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	(114,356)	39,168	
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(202,787)	(70,292)	
Lợi nhuận khác	(100,113)	70,553	
Lợi nhuận trước thuế	(302,900)	261	
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(305,643)	(2,040)	
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			

(Theo Báo cáo tài chính Hợp nhất 2021 đã kiểm toán)

Tài sản ngắn hạn cuối năm 2021 tăng 79,7 tỷ đồng, tỷ trọng của tài sản ngắn hạn cũng tăng 87,37% so cùng kỳ năm 2021, Công ty đã cải thiện rất nhiều về khả năng thanh toán các khoản nợ so với năm trước.

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	0,05	0,07	
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn			
+ Hệ số thanh toán nhanh:	0,03	0,04	
Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho			
Nợ ngắn hạn			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	322,44%	367,26%	
+ Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu	-160,36%	-137,42%	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân			
+ Vòng quay tổng tài Sản:	0,53	0,74	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân			
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	(0,5677)	(0,0041)	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	0,1945	0,0012	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	(0,3886)	(0,0030)	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	-0,4881	-0,13990	

5. Cơ cấu cổ đông (chốt ngày 24/03/2022)

a. Cổ phần

Tổng số cổ phần:	62.999.337 cổ phần
Loại cổ phần:	Cổ phần phổ thông
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phần
Số cổ phần đang lưu hành:	62.999.337 cổ phần
Cổ phiếu quỹ:	Không có

b. Cơ cấu cổ đông

Stt	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
I	Cổ đông trong nước	3.504	62.960.106	629.601.060.000	99,838%
1	Cổ đông nhà nước	1	29.888.000	298.880.000.000	47,442%
2	Tổ chức	33	6.865.793	68.657.930.000	10,898%
3	Cá nhân	3.470	26.206.313	262.063.130.000	41,598%
II	Cổ đông nước ngoài	18	39.231	392.310.000	0,062%
1	Tổ chức	15	568	5.680.000	0,061%
2	Cá nhân	3	38.663	386.630.000	0,001%
3	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 49%				
III	Cổ phiếu quỹ	-	-	-	0,00%
	Tổng cộng	3.522	62.999.337	629.993.370.000	100,00%

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

2010: Công ty tăng vốn điều lệ từ 400.000.000.000 đồng lên 589.993.370.000 đồng để phục vụ cho hoạt động mở rộng sản xuất kinh doanh.

2018: Công ty tăng vốn điều lệ từ 589.993.370.000 đồng lên 609.993.370.000 đồng để tái cơ cấu tài chính.

2020: Công ty tăng vốn điều lệ từ 609.993.370.000 đồng lên 629.993.370.000 đồng để tái cơ cấu tài chính.

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không.

e. Các chứng khoán khác: Không.

6. Báo cáo đánh giá tác động đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Tác động lên môi trường

- Chú trọng công tác bảo vệ môi trường, xử lý chất thải của đội tàu cũng như không ngừng tìm tòi những sáng kiến, phương pháp nhằm sử dụng hiệu quả tối đa nhiên liệu, giảm khí thải nhà kính, bảo đảm môi trường biển xanh sạch theo quy định của IMO. Toàn thể cán bộ nhân viên Công ty luôn ý thức trong việc thực hành tiết kiệm năng lượng nhằm bảo vệ môi trường, vì mục tiêu phát triển bền vững của Công ty.

- Tuyên truyền và phát động các kế hoạch về bảo vệ môi trường xanh, sử dụng nhiên liệu sạch, thực hiện phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn theo quy định, phát động các phong trào làm sạch đẹp văn phòng và đường phố nơi Văn phòng tọa lạc, hưởng ứng các phong trào bảo vệ môi trường bằng nhiều hoạt động cụ thể, thiết thực và đạt được kết quả tốt.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

- Công ty là đơn vị dịch vụ vận tải biển, không có hoạt động sản xuất nên không dùng nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm.

6.3. Tiêu thụ năng lượng

- Công ty đã xây dựng và triển khai “Chương trình hành động thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và tiết giảm chi phí quản lý, giảm giá thành sản phẩm năm 2021” trong đó luôn chú trọng các chỉ tiêu sử dụng tiết kiệm năng lượng trong toàn Công ty; tái sử dụng giấy 1 mặt;

- Công ty luôn chú trọng trong việc xây dựng định mức sử dụng các nguồn năng lượng, tuân thủ nghiêm túc các công ước quốc tế để giảm thiểu nguồn gây ô nhiễm môi trường như sử dụng nhiên liệu không vượt quá 0,5% S bắt đầu từ ngày 1/1/2021, áp dụng và báo cáo tình hình sử dụng năng lượng định kỳ.

- Kiểm soát chặt chẽ tiêu thụ nhiên liệu, dầu nhớt, vật tư, nước ngọt tránh thất thoát, lãng phí. Tăng cường giám sát lượng nhiên liệu tồn trên tàu. Kiểm soát tốt tình trạng kỹ thuật đội tàu, tăng cường cung cấp phụ tùng chính hãng thay thế cho các thiết bị quan trọng để duy trì tốt tình trạng kỹ thuật cũng như đáp ứng yêu cầu về khí thải, bảo vệ môi trường và giảm tiêu hao nhiên liệu.

6.4. Tiêu thụ nước

Công ty luôn khuyến khích cán bộ, công nhân viên sử dụng tiết kiệm nước. Vấn đề ô nhiễm nguồn nước luôn được công ty chú trọng với việc tuân thủ các quy định về khu vực xả thải, tiếp tục tuân thủ trang bị hệ thống quản lý nước dẫn cho 3 tàu theo lộ trình bắt đầu từ năm 2020. Thực hiện quy định phân loại rác trên tàu, xả rác đúng quy định, rác không phân hủy được tập trung và chuyển lên bờ, nhằm giảm thiểu tối đa những tác động tiêu cực đến môi trường nhất là môi trường biển.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Công ty luôn tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường. Trong năm không để xảy ra trường hợp vi phạm nào.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

Tổng số lao động làm việc tại Công ty tính đến ngày 31/12/2021 là 716 người, trong đó nữ là 51 người. Lực lượng lao động trực tiếp (khởi thủy quan thuyền viên) là 657, lao động trên văn phòng phục vụ cho hoạt động đội tàu Công ty là 59 người. Trong năm 2021, tiền lương bình quân của người lao động đạt 25,75 triệu đồng/người/tháng (riêng khởi thủy quan thuyền viên làm việc trực tiếp trên tàu, tiền lương bình quân là 28,5 triệu đồng/người/tháng). Hàng tháng, Công ty đều thanh toán lương cho người lao động đầy đủ và đúng theo quy định.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

- Nguồn lực con người với Công ty là tài sản giá trị lớn nhất và là yếu tố quyết định sự thành công trong các chiến lược của Công ty. Với mỗi người lao động vào làm việc, Công ty đều đảm bảo có một công việc phù hợp, có thu nhập và phúc lợi xứng đáng. Công ty thực hiện ký kết hợp đồng lao động và chi trả lương cho người lao động đúng theo quy định của pháp luật và theo đúng quy chế nội bộ về nhân sự của Công ty, người lao động làm thêm giờ sẽ có chính sách phù hợp. Góp phần vào việc phát triển Công ty một cách bền vững.

- Trong năm 2021, mặc dù gặp khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, nhưng Lãnh đạo Công ty đã chỉ đạo xây dựng kế hoạch tiền lương và thu nhập linh hoạt, phù hợp với tình hình thực tế, vừa giúp cải thiện mức thu nhập cho người lao động của Công ty so với mặt bằng chung, vừa tạo động lực, động viên khuyến khích người lao động gắn bó với Công ty và phấn đấu hoàn thành tốt, hiệu quả công việc được giao.

- Tổ chức cho CBNV tiêm vắc xin và tuyên truyền phòng chống dịch Covid – 19; Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CBNV.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

Công ty luôn chú trọng khuyến khích công tác đào tạo, tự học hỏi để nâng cao tay nghề cho từng cá nhân. Bên cạnh đó, Công ty còn thường xuyên tổ chức những buổi hội thảo chuyên đề để bồi dưỡng kiến thức, trao đổi thêm kỹ năng cho nguồn nhân sự của Công ty, nhằm đảm bảo triển khai các kế hoạch kinh doanh trong tương lai.

Công ty cũng tạo điều kiện để người lao động sau tuyển dụng được đào tạo, học tập nâng cao tay nghề, kỹ năng, kiến thức. Sỹ quan thuyền viên được tham gia các lớp học cập nhật trước khi lên tàu và được theo dõi, hướng dẫn khi làm việc trên tàu. Đội ngũ cán bộ văn phòng được tham gia các khoá đào tạo nội bộ, đào tạo của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam và các cơ sở đào tạo khác liên quan đến chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng mềm và phát triển năng lực cá nhân

Môi trường làm việc

Công ty có chủ trương xuyên suốt và chú trọng chăm lo đến điều kiện làm việc, môi trường làm việc cho CBNV, SQTV, nên đã đạt được nhiều kết quả tích cực, góp phần tăng năng suất, hiệu quả lao động đi đôi với đảm bảo sức khỏe, hạn chế đến mức thấp nhất tai nạn lao động (TNLĐ), bệnh nghề nghiệp tại Công ty, góp phần tạo nên sự yên tâm, gắn bó với Công ty của người lao động. Bên cạnh đó, Công ty còn chú trọng truyền thống, tạo nên nét văn hóa doanh nghiệp, môi trường làm việc thân thiện, chan hòa, sẻ chia, giúp nhau cùng tiến bộ.

Khối văn phòng Công ty, các Chi nhánh Công ty đảm bảo đầy đủ dụng cụ làm việc cần thiết, phù hợp cho từng chức danh; phòng làm việc đầy đủ ánh sáng, trang bị máy lạnh, thông thoáng; khuôn viên cây xanh, sạch đẹp, an toàn. Năm 2021 thực hiện may đồng phục cho toàn thể CBNV khối văn phòng Công ty.

Tại các tàu biển Công ty, đi đôi với việc tuân thủ nghiêm túc Công ước lao động hàng hải Quốc tế (MLC 2006), từ chính sách đến thực hiện, đã góp phần đáng kể tạo môi trường và điều kiện làm việc của thuyền viên ngày càng cải thiện được rõ rệt.

Bảo đảm thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi theo qui định của Bộ Luật lao động, Bộ Giao thông vận tải và Nội quy lao động của Công ty và có lợi hơn cho người lao động.

Công tác bảo hộ lao động

Các đơn vị và cá nhân trong công ty có trách nhiệm tuân thủ các quy định của công ty và Luật Lao động về bảo hộ lao động, đặc biệt là đối với các Sỹ quan thuyền viên làm việc trên tàu biển nhằm bảo đảm an toàn lao động, vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ, góp phần hoạt động của Công ty có kết quả tốt, giảm thiểu rủi ro trong quá trình sản xuất kinh doanh.

Các phong trào thi đua:

Ban điều hành quan tâm và ủng hộ việc xây dựng, tổ chức các hoạt động tập thể, phong trào thi đua của Công đoàn Công ty, góp phần nâng cao tinh thần gắn bó giữa CBNV, SQTV trong Công ty. Năm 2021, Công đoàn Công ty đã tổ chức các hoạt động chào mừng các ngày Lễ lớn phù hợp với tình hình dịch bệnh Covid-19, trong đó có Hưởng ứng ngày Thuyền viên Thế giới (25/6); Tổ chức hoạt động chăm lo phụ nữ nhân dịp 8-3 và 20-10; Hưởng ứng cuộc thi ảnh “Nét đẹp lao động và Công đoàn ngành hàng hải mùa Covid-19” và Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”; Tổ chức Cuộc thi “21 ngày Thử thách”, phong trào trang trí “Tết Hạnh phúc – Xuân Bình an” cho cả khối tàu và văn phòng,...

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Duy trì các hoạt động "Đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn" của Công ty nhằm nâng cao tinh thần tương thân tương ái của CBNV, SQTV với xã hội và cộng đồng cũng như phát huy truyền thống tốt đẹp của Công ty. Mặc dù tình hình tài chính Công ty cực kỳ khó khăn, Công ty tổ chức thăm hỏi, tặng quà Mẹ Việt Nam anh hùng do Công ty phụng dưỡng ở Bến Tre (17,880 triệu đồng).

Tham gia ủng hộ quỹ mua vắc xin phòng Covid-19 với số tiền 500 triệu đồng, ủng hộ Chính quyền Thành phố phòng, chống dịch Covid-19 200 triệu đồng, ủng hộ Quỹ mua vắc xin Chung một

tầm lòng do Đài truyền hình TP. Hồ Chí Minh phát động, ủng hộ UBND Phường 18, Quận 4 chăm lo các hộ khó khăn, bị phong tỏa do dịch bệnh 10 triệu đồng, ủng hộ Công đoàn Phòng giáo dục Đào tạo huyện Nhà Bè chăm lo cho đoàn viên có hoàn cảnh khó khăn nhâm dịp tết Nhâm Dần với số tiền 10 triệu đồng, tham gia hiến máu nhân đạo,...

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Công ty đã khai thác tối đa các nguồn lực tự có với đội tàu hàng khô gồm 7 chiếc, tổng trọng tải xấp xỉ 145 nghìn DWT, tuổi tàu bình quân 20,3 tuổi, trong đó có tàu VTC Planet đã 28 tuổi, khó khai thác do tàu cũ, già, cộng với gánh nặng chi phí (khấu hao, phí bảo hiểm, ... cao). Công ty nỗ lực giảm lỗ ở lĩnh vực kinh doanh chính bằng cách cắt giảm tối đa mọi chi phí, phát triển kinh doanh dịch vụ Quản lý và Cung ứng lao động hàng hải nhằm góp phần tăng cường hiệu quả hoạt động cho công ty. Như vậy, năm 2021, với sự nỗ lực, quyết tâm, tận dụng các cơ hội của thị trường và đưa ra các giải pháp kinh doanh phù hợp, Công ty đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch đề ra, đặc biệt chỉ tiêu lợi nhuận đã đạt mức dương sau nhiều năm liền thua lỗ.

Những tiền bộ công ty đã đạt được.

- Theo dõi giám sát chặt chẽ việc các tàu tuân thủ đúng qui trình hệ thống Quản lý an toàn
- Bảo đảm tình trạng kỹ thuật của đội tàu, giảm định mức nhiên liệu để tăng hiệu quả khai thác, nâng cao chất lượng dịch vụ đồng thời giảm các chi phí phát sinh liên qua
- Xây dựng và triển khai mô hình quản lý chiến lược BSC, KPI và trả lương 3Ps.
- Ứng dụng CNTT vào công tác quản trị: triển khai hệ thống phần mềm quản lý tàu, gồm các chức năng chính như quản lý bảo quản, bảo dưỡng; quản lý tuân thủ các bộ luật; quản lý vật tư phụ tùng; quản lý thuyền viên trên tàu; công tác quản trị trên tàu.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản (Theo Báo cáo tài chính Hợp nhất 2021 đã kiểm toán)

Tính đến ngày 31/12/2021, tổng tài sản của Công ty là 642,18 tỷ đồng, giảm 68,32 tỷ đồng so với so với thời điểm 31/12/2020. Trong đó:

- Tài sản ngắn hạn là 171,06 tỷ đồng, chiếm 26,64 % tổng tài sản; tăng 79,76 tỷ đồng, tương đương tăng 87,36% so với so với thời điểm 31/12/2020.
- Tài sản dài hạn là 471,11 tỷ đồng, chiếm 73,36 % tổng tài sản, giảm 148,09 tỷ đồng tương đương giảm 23,91 % so với so với thời điểm 31/12/2020.

b) Tình hình nợ phải trả Theo báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021, đến ngày 31/12/2021, tổng nguồn vốn của Công ty là 642,18 tỷ đồng, gồm các khoản mục sau:

- Tổng nợ phải trả là 2.253,50 tỷ đồng, chiếm 367,26% tổng nguồn vốn, giảm 66,24 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2020.
- Nợ ngắn hạn là 2.307,61 tỷ đồng, giảm 86,93 tỷ đồng so với thời điểm ngày 31/12/2020.
- Nợ dài hạn là 50,88 tỷ đồng, giảm 153,18 tỷ đồng so với thời điểm ngày 31/12/2020.
- Tổng nợ phải thu ngắn hạn là 98,65 tỷ đồng.

Các khoản nợ của Công ty chủ yếu là tập trung vào đầu tư việc hình thành phương tiện sản xuất kinh doanh là tàu biển. Công ty đã tăng cường công tác quản lý công nợ. Số nợ quá hạn, khó đòi đã giảm so với cùng kỳ năm trước. Đối với các khoản nợ phải thu khó đòi, Công ty hạch toán theo dõi riêng từng khoản để có các hình thức xử lý hoặc trích lập dự phòng phù hợp.

* Phân tích nợ phải trả quá hạn, ảnh hưởng chênh lệch của tỷ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay.

Nợ phải trả quá hạn: Nợ phải trả quá hạn sẽ ảnh hưởng đến khả năng quay vòng vốn và uy tín của doanh nghiệp. Vì vậy, Công ty luôn quản lý, phân loại các khoản nợ để giảm số nợ quá hạn.

Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá: là đơn vị có doanh thu gốc và công nợ gốc bằng ngoại tệ, nếu tỷ giá tăng sẽ làm phát sinh lỗ chênh lệch tỷ giá lớn cho Công ty.

Ảnh hưởng của lãi vay: Năm 2021, lũy kế số dư lãi vay của Công ty là 1.105,38 tỷ đồng, tăng 132,3 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Năm 2021, Công ty đã tiếp tục quyết liệt thực hiện Đề án tái cơ cấu doanh nghiệp trong đó tập trung vào tái cơ cấu tài chính và tái cơ cấu tổ chức để ổn định sản xuất kinh doanh, giảm bớt thiệt hại do dịch bệnh gây ra. Trong đó, tái cơ cấu tài chính đã đạt được những kết quả tích cực khi đã hoàn thành tái cơ cấu nợ với Vietcombank, góp phần rất lớn vào kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021, giúp Công ty hoàn thành chỉ tiêu cân bằng thu chi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Đối với tái cơ cấu tổ chức, đã tiếp tục rà soát, thực hiện việc sắp xếp lại bộ máy tổ chức theo hướng tinh gọn, hiệu quả hơn: Hoàn thành thủ tục chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện tại Hà Nội, sắp xếp lại số phòng ban chức năng từ 8 xuống còn 7 phòng như hiện tại.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai: Xem chi tiết tại Mục 4, Phần I Thông tin chung.

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022:

Thị trường cước tàu hàng khô rời trong Quý I năm 2022 dự báo giảm theo thông lệ do chịu ảnh hưởng từ các kỳ nghỉ lễ, Tết kéo dài. Ngoài ra, trước diễn biến mới của biến chủng Omicron và tình hình bất ổn chính trị tại nhiều quốc gia khiến cho bức tranh thị trường trong năm 2022 chưa rõ ràng và có thể tiềm ẩn nhiều biến động. Dựa trên dự báo tình hình thị trường, năng lực của đội tàu, nguồn nhân lực của công ty, các chỉ tiêu kế hoạch năm 2022 được dự kiến như sau:

Chi tiêu	ĐVT	TH 2021	KH 2022	KH 2022/ TH 2021
Sản lượng vận chuyển	Triệu tấn	1,431	1,433	100%
Doanh thu	Tỷ VND	633,46	687,27	108%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ VND	0,26	Cân bằng	

*** Ghi chú:** Trước tình hình đại dịch Covid-19 toàn cầu vẫn đang diễn biến phức tạp, chi phí tăng cao, lỗ dự kiến năm 2022 là 53,8 tỷ đồng. Tuy nhiên, Ban Điều hành sẽ tiếp tục tăng cường các giải pháp ngắn và dài hạn, tìm kiếm cơ hội tái cơ cấu tài chính nhằm bù đắp cho phần lỗ dự kiến để lợi nhuận cân bằng

Các nhóm giải pháp thực hiện

Trong điều kiện thị trường vận tải biển vẫn nhiều diễn biến khó lường, kế hoạch đặt ra như trên là thách thức đối với Công ty. Do vậy, để có thể đạt được các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra rất cần sự chung tay góp sức trong việc thực hiện tốt nhiệm vụ của từng cá nhân, từng bộ phận cũng như sự tăng cường quản lý của cả bộ máy, cụ thể như sau:

a. Giải pháp về thị trường và sản xuất kinh doanh:

- Bảo đảm tình trạng kỹ thuật của đội tàu, giảm định mức nhiên liệu để tăng hiệu quả khai thác, nâng cao chất lượng dịch vụ đồng thời giảm các chi phí phát sinh liên quan (offhire, PSC...)
- Theo dõi sát diễn biến thị trường, tận dụng các cơ hội khi thị trường lên.
- Tăng cường công tác khách hàng, gia tăng đối tác có chọn lọc để tăng khả năng tiếp cận thị trường trong mọi điều kiện, tránh tàu phải nằm chờ hàng.

b. Giải pháp về hợp tác, liên kết để phát triển sản xuất kinh doanh/dịch vụ chuỗi với các DN trong cùng Tổng công ty

-Liên kết hợp tác môi giới khai thác tàu/hàng hoặc thuê tàu ngoài khai thác (nếu điều kiện tài chính cho phép).

c. Giải pháp về chính sách khách hàng: thâm nhuận và triết để vận dụng chính sách lấy Khách hàng làm trung tâm:

- *Giải pháp về chính sách giá:* Có chính sách ưu đãi cước, tàu tốt đối với khách hàng lớn, có tiềm lực tài chính; có chính sách hợp tác linh hoạt để có thể có được sự hỗ trợ của khách hàng nếu công ty gặp khó khăn trong thời điểm nhất định. Công ty ưu tiên phục vụ các khách hàng truyền thống có tài chính lành mạnh; hợp tác trên tinh thần win-win cả đôi bên cùng hợp tác cùng có lợi; có chế độ khuyến mãi, điều chỉnh giá cước hợp lý nhằm hỗ trợ lẫn nhau khi thị trường đảo chiều v.v.

- *Giải pháp về công tác chăm sóc và phát triển khách hàng:* Tăng cường liên hệ, hợp tác với các đối tác ở các phân khúc thị trường khác nhau để có thể chọn hình thức khai thác tàu linh hoạt theo tình trạng kỹ thuật, tài chính của công ty. Mặc dù hiện tại Công ty vẫn lên kế hoạch khai thác đội tàu theo hình thức cho định hạn, nhưng vẫn không quên duy trì liên lạc với các mối quan hệ khách hàng cũ (khai thác chuyến trước đây) để khi điều kiện cho phép Công ty lại quay lại hình thức khai khác chuyến hoặc thực hiện thuê tàu ngoài khai thác. Công ty ý thức việc phát triển thị trường song song với xây dựng mối quan hệ khách hàng càng nhiều càng tốt sẽ tạo điều kiện thuận lợi không những cho việc khai thác đội tàu Công ty mà còn tạo thuận lợi cho các dịch vụ mới trong tương lai (như thuê tàu ngoài khai thác, các dịch vụ quản lý khai thác tàu v.v.). Bên cạnh việc duy trì mối quan hệ với khách hàng cũ và chăm sóc khách hàng hiện tại, chúng tôi cũng cố gắng xây dựng mối quan hệ khách hàng mới.

- Tập trung điều chỉnh quy trình, thái độ chăm sóc khách hàng nội bộ, loại bỏ các yếu tố chưa hướng tới khách hàng.

d. Giải pháp về quản trị và đổi mới doanh nghiệp:

- Tiếp tục triển khai vận hành và cải tiến hệ thống BSC- KPI và trả lương 3Ps.

- Triển khai áp dụng Kaizen/Lean.

e. Giải pháp về tài chính và đầu tư:

- Cơ cấu lại danh mục đầu tư phù hợp tình hình thực tế của doanh nghiệp. Công ty tiếp tục đàm phán với các ngân hàng để đạt được phương án tái cơ cấu tài chính khả thi tùy vào tình hình thực tế.

- Quản lý dòng tiền: xây dựng và triển khai kế hoạch tài chính hàng tháng/năm; kiểm soát cân đối thu chi hàng tuần và đánh giá thực hiện hàng tháng; ưu tiên nguồn tiền phục vụ SXKD và trả nợ thiện chí cho ngân hàng; phấn đấu không để nợ lương người lao động.

- Giải pháp tái cơ cấu nợ ngân hàng

+ Tiếp tục ứng xử với các ngân hàng theo hướng trả nợ thiện chí nhằm xoa dịu hành động pháp lý của ngân hàng

+ Tham gia các vụ kiện của ngân hàng với mục tiêu đảm bảo hài hòa lợi ích các bên.

f. Giải pháp về nguồn nhân lực:

- Cử cán bộ chủ chốt tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng về kiến thức quản lý, điều hành để nâng cao năng lực quản lý tại đơn vị.

- Cử cán bộ, nhân viên tham gia các khóa đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến chức năng nhiệm vụ theo nhu cầu của đơn vị nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

g. Giải pháp về Công nghệ - Kỹ thuật:

- Tăng cường ứng dụng CNTT vào công tác quản trị: triển khai hệ thống phần mềm quản lý tàu, gồm các chức năng chính như quản lý bảo quản, bảo dưỡng; quản lý tuân thủ các bộ luật; quản lý vật tư phụ tùng; quản lý thuyền viên trên tàu; công tác quản trị trên tàu.

- Triển khai công tác an toàn và an ninh mạng đội tàu: Ban hành Quy chế, form mẫu và quy trình quản lý an toàn và an ninh mạng cho đội tàu biển Cty.

- Tăng cường công tác đào tạo nâng cao chất lượng thuyền viên đảm bảo cho việc vận hành thành thạo máy móc thiết bị, giám sát việc thực hiện bảo quản, bảo dưỡng tàu tuân thủ các quy định của quy phạm và công ước.

- Tích cực áp dụng công nghệ tiên tiến trong quản lý kỹ thuật, vật tư để sử dụng hiệu quả. Tích cực áp dụng các tiến bộ của kỹ thuật trong khai thác tàu để nâng cao hiệu quả trong khai thác.

- Tăng cường công tác quản lý, mua bán nhiên liệu dầu nhớt, đặc biệt là chất lượng nhiên liệu do gần đây đã có những sự cố kỹ thuật liên quan đến chất lượng nhiên liệu kém gây ra. Quản lý chặt chẽ việc sử dụng nhiên liệu để tiết kiệm chi phí, do giá nhiên liệu liên tục tăng trong thời gian vừa qua, một số hãng tàu đã khuyến cáo có thể bị thua lỗ do giá dầu liên tục tăng.

- Tích cực trao đổi thông tin, các giải pháp cải tiến kỹ thuật, kinh nghiệm quản lý để có các giải pháp quản lý hiệu quả và tiết kiệm chi phí.

h. Giải pháp ứng phó rủi ro:

- Do thị trường vận tải biển chịu ảnh hưởng nhiều bởi các yếu tố khách quan, biến động khó lường như: Thiên tai, dịch bệnh, biến động về giá nhiên liệu dầu nhớt, cung cầu tàu trên thế giới ... Từ đó dẫn tới rủi ro có sự chênh lệch lớn giữa kết quả thực tế đạt được so với kế hoạch kinh doanh đã đề ra. Do đó, cần thường xuyên tìm hiểu, cập nhật tin tức, các báo cáo chuyên ngành để nắm bắt xu hướng của thị trường và tham mưu cho lãnh đạo Công ty kịp thời điều chỉnh chiến lược, kế hoạch kinh doanh phù hợp với tình hình diễn biến thực tế của thị trường.

- Rủi ro về sự thay đổi của các chính sách vĩ mô dẫn đến phát sinh thêm chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty như thay đổi về chính sách thuế của Nhà nước dẫn đến tiền thuê đất, thuế đất tăng đột biến; Thay đổi trong Phương án sắp xếp, xử lý các cơ sở nhà đất, quy hoạch mở rộng lộ giới khiến các khu đất dự án bị thu hẹp hoặc có nguy cơ bị giải tỏa, di dời. Do đó, Công ty cần thường xuyên tìm hiểu, cập nhật những quy định mới của Nhà nước có liên quan để tham mưu cho lãnh đạo Công ty kịp thời có các văn bản đề xuất, kiến nghị với các cơ quan ban ngành phù hợp với quy định nhằm giảm thiểu thiệt hại cũng như mang lại lợi ích tối ưu cho Công ty.

i. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Đối với khối văn phòng Công ty: Tiếp tục sắp xếp lại bộ máy tổ chức cho phù hợp với hoạt động của Công ty trong tình hình hiện nay.

- Đối với khối thuyền viên, Công ty đã đẩy mạnh việc rà soát, phân loại lực lượng lao động trực tiếp (thuyền viên), để thực hiện giải quyết chế độ chính sách đối với thuyền viên không đảm bảo sức khỏe, ý thức tổ chức kỷ luật kém, cũng như các trường hợp nghỉ hưu theo chế độ, nghỉ việc theo nguyện vọng cá nhân. Đồng thời tuyển dụng lao động để bổ sung cho số thuyền viên nghỉ hưu, nghỉ việc; tình hình lực lượng lao động là đội ngũ thuyền viên ổn định, không có biến động lớn. Bên cạnh đó, Công ty cũng tăng cường công tác huấn luyện, đào tạo nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ SQTV, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Xem Giải trình và Báo cáo tài chính kiểm toán đính kèm.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

6.1. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...) Đối với đội tàu, Công ty đã nỗ lực áp dụng các chính sách để đảm bảo giảm thiểu lượng phát thải khí ra môi trường, đã thực hiện cung cấp cho đội tàu các loại dầu có hàm lượng lưu huỳnh thấp theo

tiêu chuẩn và quy định IMO. Đối với khối văn phòng, việc sử dụng điện, nước được cân đối phù hợp, tiết kiệm, hiệu quả. Công ty đã lắp đặt hệ thống xử lý nước thải và không vi phạm các quy định về xử lý nước thải.

6.2. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động Công ty đã thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các chính sách, quy định liên quan về người lao động. Người lao động được hưởng đầy đủ quyền lợi hợp pháp, chính đáng theo quy định của pháp luật.

6.3. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương Hiểu rõ vai trò quan trọng cũng như lợi ích từ việc thực hiện trách nhiệm xã hội, trách nhiệm với cộng đồng, địa phương mang lại nên Công ty đã thực hiện nghiêm túc trách nhiệm xã hội của mình đối với cộng đồng và địa phương.

Xem chi tiết cụ thể tại Mục 6, Phần II Tình hình hoạt động trong năm.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty

Trong năm 2021, Hội đồng quản trị cùng Ban Tổng Giám đốc đã chủ động đánh giá thị trường, căn cứ tình hình kinh doanh thực tiễn để ban hành các Nghị quyết, quyết định theo đúng thẩm quyền, cố gắng tận dụng các cơ hội thị trường và đàm phán với các tổ chức tín dụng để cùng công ty đạt được kết quả như đã nêu tại phần III- Báo cáo Ban Tổng Giám đốc:

2. Hiệu quả sản xuất kinh doanh

Trong bối cảnh dịch Covid 19 tiếp tục diễn biến phức tạp, nền kinh tế tiếp tục gặp nhiều khó khăn, tuy nhiên Vitranschart đã ghi nhận kết quả kinh doanh cải thiện rất nhiều so với năm 2020, cụ thể như sau:

- Doanh thu tăng 51% so với năm 2020 và vượt 49% kế hoạch 2021, trong đó doanh thu vận tải biển tăng 57% so với năm 2020 và vượt 37% kế hoạch 2021 do cước thị trường tàu hàng khô tăng đột biến vì nguồn cung tàu bị thiết hụt dẫn đến giá cước tàu tăng đáng kể.

- Lãi/Lỗ trước thuế năm 2021: lãi 261 triệu đồng, đạt chỉ tiêu cân bằng thu chi và đã giảm lỗ 303,2 tỷ đồng so với năm 2020 do doanh thu tăng và hoàn thành xử lý khoản nợ vay Vietcombank chuyển sang DATC 117, 3 tỷ đồng.

3. Tình hình đầu tư

- Hoàn thành thủ tục thành lập Công ty TNHH Quản lý tàu biển Hải Đăng, lĩnh vực kinh doanh vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương, chính thức đi vào hoạt động từ tháng 7/2021.

- Thoái vốn thành công tại công ty liên kết Pdimex JSC.

4. Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng Giám Đốc

Ban Tổng Giám đốc đã tuân thủ đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các nghị quyết và quyết định của HĐQT trong công tác quản lý và điều hành. Ban Tổng Giám đốc đã chỉ đạo các bộ phận liên quan để hoàn thành các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận đề ra.

Ban Tổng Giám đốc đã rất nỗ lực trong quá trình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2021, triển khai đầy đủ, kịp thời các chủ trương, chỉ đạo của Hội đồng Quản trị và báo cáo chi tiết kết quả thực hiện với tinh thần trách nhiệm cao. Từ đó những kết quả đạt được trên tất cả các lĩnh vực sản xuất kinh doanh đã tiếp tục duy trì và củng cố được lòng tin từ đối tác, khách hàng, cổ đông. Hội đồng Quản trị tin tưởng với các giải pháp chắc chắn, linh hoạt trong công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc sẽ góp phần giữ được sự ổn định trong hoạt động sản xuất, từng bước tìm kiếm và chinh phục các thị trường mới trong khu vực và quốc tế trong bối cảnh còn vô vàn khó khăn phức tạp.

5. Kế hoạch, định hướng của HĐQT

- Tiếp tục theo sát và chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc duy trì hoạt động ổn định và lành mạnh hóa tình hình tài chính của Công ty;
- Tiếp tục nghiên cứu đánh giá tìm tòi các lĩnh vực kinh doanh mới có tính khả thi và hiệu quả, cụ thể:
 - + Nghiên cứu thị trường triển khai hoạt động thuê tàu ngoài để nâng cao năng lực do đội tàu bán thanh lý và hiệu quả kinh doanh.
 - + Đối với giải pháp thị trường và định hướng phát triển hoạt động cho thuê thuyền viên: Tăng cường công tác chăm lo đời sống thuyền viên, đặc biệt trong giai đoạn dịch bệnh.
 - + Tập trung phát triển các hoạt động có hiệu quả như cho thuê thuyền viên. Tiếp tục kiểm soát chặt chẽ và tiết giảm chi phí để đảm bảo kế hoạch kinh doanh.
- Tăng cường công tác kiểm soát rủi ro, quản trị công ty theo BSC, KPIs, cải tiến kỹ thuật, tiếp tục ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao năng suất làm việc, cập nhật số liệu sản xuất kinh doanh một cách kịp thời, qua đó góp phần tiết kiệm chi phí sản xuất, giảm giá thành sản phẩm thông qua lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các chính sách, quy chế về lấy Khách hàng và Con người làm trung tâm, Chuyển đổi số và triển khai từng bước áp dụng Kaizen/Lean.
- Tiếp tục nâng cao đời sống và thu nhập cho người lao động, cải thiện môi trường làm việc để hấp dẫn và nâng cao sức sáng tạo, cống hiến, gắn bó của người lao động với Công ty;
- Duy trì và đảm bảo thực hiện việc Công bố thông tin đúng theo quy định của pháp luật;
- Xây dựng kế hoạch kinh doanh 2022 phù hợp với tình hình thực tế của Công ty, theo sát diễn biến của nền kinh tế và thị trường vận tải;
- Tập trung nỗ lực hoàn thành các chỉ tiêu đề ra.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị (tính tại ngày 31/12/2021)

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	Huỳnh Nam Anh	Chủ tịch HĐQT	Đại diện: 10.988.200 Cá nhân: 96.962	Chiếm 17,44% Chiếm 0,15%
2	Trịnh Hữu Lương	Phó Chủ tịch HĐQT	Đại diện: 9.449.900	Chiếm 15%
3	Mai Thị Thu Vân	Thành viên HĐQT	8.002	Chiếm 0,013%
4	Nguyễn Thanh Ngọc	Thành viên HĐQT	Đại diện: 9.449.900	Chiếm 15%
5	Trần Trung Dũng	Thành viên HĐQT	1.917	0,003%

(*) Ngày 29/04/2021, Bà Phạm Thị Cẩm Hà – Phó Chủ tịch HĐQT miễn nhiệm theo nghị quyết ĐHDCĐ thường niên 2021.

(*) Ngày 29/04/2021, Ông Nguyễn Minh Cường – Thành viên HĐQT miễn nhiệm theo nghị quyết ĐHDCĐ thường niên 2021.

Chức danh quản lý do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác:

- Ông Huỳnh Nam Anh: Chủ tịch Công ty TNHH Quản lý thuyền viên SCC
- Ông Trịnh Hữu Lương: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Vận tải biển và thương mại Phương Đông; Chủ tịch Công ty TNHH Quản lý tàu biển Hải Đăng
- Ông Trần Trung Dũng: Giám đốc Công ty TNHH Quản lý thuyền viên SCC
- Ông Nguyễn Thanh Ngọc: Trưởng phòng Pháp chế An toàn Hàng hải - Công ty Vận tải biển VIMC

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: HĐQT thực hiện phân công nhiệm vụ, không thành lập các tiểu ban.

c. Hoạt động của HĐQT

Năm 2021, HĐQT Công ty đã hoạt động nghiêm túc với 04 kỳ họp định kỳ và ban hành các Nghị quyết, quyết định về các nội dung quan trọng liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các cuộc họp đều có sự tham dự của Ban kiểm soát.

Stt	Ngày họp	Nội dung	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết
1	12/1/2021	Kỳ họp thường kỳ quý 1/2021: Thông qua Báo cáo kết quả SXKD 2020, tạm giao kế hoạch SXKD và các công việc trọng tâm triển khai thực hiện quý 1/2021	100%	100%
2	13/4/2021	Kỳ họp thường kỳ quý 2/2021: Thông qua Báo cáo kết quả SXKD quý 1/2021, tạm giao kế hoạch SXKD quý 2/2021 và công tác tổ chức ĐHCĐ thường niên 2021	80%	100%
3	09/7/2021	Kỳ họp thường kỳ quý 3/2021: Thông qua Báo cáo kết quả SXKD quý 2/2021, giao kế hoạch SXKD quý 3/2021, phê duyệt tờ trình chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện tại Hà Nội	100%	100%
4	08/10/2021	Kỳ họp thường kỳ quý 3/2021: Thông qua Báo cáo kết quả SXKD quý 3/2021, giao kế hoạch SXKD và các nhiệm vụ trọng tâm thực hiện quý 4/2021	100%	100%

Các Nghị quyết/ Quyết định của Hội đồng quản trị

Stt	Số nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
01	01/NQ-HĐQT	07/01/2021	NQ thông qua việc điều chỉnh Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp (nội dung liên quan việc tăng vốn từ phát hành cổ phiếu)	100%
02	02/NQ-HĐQT	07/01/2021	NQ thông qua việc tăng vốn điều lệ sau khi hoàn tất việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi nợ	100%
03	03/NQ-HĐQT	12/01/2021	NQ phiên họp HĐQT ngày 12/1/2021	100%
04	04/NQ-HĐQT	12/01/2021	NQ v/v BC kết quả SXKD 2020 và tạm giao kế hoạch SXKD 2021 cho SCCM	100%
05	05/QĐ-HĐQT	22/01/2021	QĐ nâng bậc lương cán bộ 2020	100%
06	06/QĐ-HĐQT	26/01/2021	QĐ v/v Thành lập Ban tổ chức ĐHCĐ thường niên 2021	100%
07	07/QĐ-HĐQT	27/01/2021	QĐ v/v Tăng danh hiệu "Lao động tiên tiến" năm 2020	100%
08	08/QĐ-HĐQT	03/02/2021	QĐ v/v Miễn nhiệm chức vụ cán bộ	100%
09	09/NQ-HĐQT	03/03/2021	NQ v/v Tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2021	100%

10	10/NQ-HĐQT	30/03/2021	NQ v/v Phê duyệt hương án thành lập Công ty TNHH Quản lý tàu biển Hải Đăng	100%
11	11/NQ-HĐQT	31/03/2021	NQ v/v Công tác cán bộ Công ty	100%
12	12/QĐ-HĐQT	31/03/2021	QĐ v/v Công ty TNHH Cung ứng thuyền viên SCC	100%
13	13/QĐ-HĐQT	6/4/2021	QĐ v/v Thành lập Công ty TNHH Quản lý tàu biển Hải Đăng	100%
14	14/QĐ-HĐQT	06/04/2021	QĐ v/v Cử và giao nhiệm vụ Chủ tịch Công ty TNHH Quản lý tàu biển Hải Đăng	100%
15	15/QĐ-HĐQT	08/04/2021	QĐ v/v Quy chế tổ chức và hoạt động Chi nhánh: Trung tâm E-Logistics và công nghệ thông tin Hành hải Việt Xanh (VIETGREEN CENTER)	100%
16	16/NQ-HĐQT	13/04/2021	NQ phiên họp HĐQT ngày 13/4/2021	100%
17	17/QĐ-HĐQT	29/04/2021	QĐ v/v Miễn nhiệm chức vụ cán bộ	100%
18	18/QĐ-HĐQT	14/05/2021	QĐ v/v Bổ nhiệm người phụ trách quản trị Công ty	100%
19	19/QĐ-HĐQT	14/05/2021	QĐ v/v Thành lập Ban chỉ đạo phòng, chống tham nhũng Công ty	100%
20	20/QĐ-HĐQT	01/06/2021	QĐ v/v Ban hành Quy chế hoạt động của HĐQT	100%
21	21/NQ-HĐQT	01/06/2021	NQ v/v Chương trình hành động năm 2021 của HĐQT	100%
22	22/QĐ-HĐQT	01/06/2021	QĐ phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT	100%
23	23/QĐ-HĐQT	09/06/2021	QĐ v/v Bổ sung ngành nghề kinh doanh cho Vietgreen Center	100%
24	24/QĐ-HĐQT	14/06/2021	QĐ v/v Giao nhiệm vụ cán bộ	100%
25	25/QĐ-HĐQT	24/06/2021	QĐ v/v Góp vốn cho Công ty TNHH Quản lý tàu biển Hải Đăng	100%
26	26/QĐ-HĐQT	29/06/2021	QĐ v/v Ban hành Bộ Quy tắc ứng xử	100%
27	27/QĐ-HĐQT	29/06/2021	QĐ v/v Điều chỉnh tên Công ty viết tắt của Công ty TNHH Quản lý tàu biển Hải Đăng	100%
28	28/QĐ-HĐQT	30/06/2021	QĐ v/v Triển khai hình thức khai thác cho thuê tàu trần – tàu VTC Ocean	100%
29	29/QĐ-HĐQT	07/07/2021	NQ v/v Thoái vốn tại Công ty CP Cung ứng DV hàng hải và XNK Phương Đông	100%
30	30/QĐ-HĐQT	09/07/2021	NQ phiên họp HĐQT ngày 09/07/2021	100%
31	31/QĐ-HĐQT	30/07/2021	QĐ v/v Chấm dứt hoạt động VPĐD Công ty tại Hà Nội	100%
32	32/QĐ-HĐQT	12/08/2021	QĐ Ban hành Quy chế Đào tạo và phát triển	100%
33	33/QĐ-HĐQT	09/09/2021	QĐ Thành lập BCD phòng, chống tham nhũng Công ty	100%
34	34/QĐ-HĐQT	21/09/2021	QĐ Thành lập BCD phòng, chống dịch bệnh Covid-19 của Công ty	100%
35	35/QĐ-HĐQT	23/09/2021	QĐ Ban hành Quy chế Quản trị rủi ro	100%
36	36/QĐ-HĐQT	30/09/2021	QĐ Ban hành Quy chế Quản lý tài chính	100%
37	37/QĐ-HĐQT	30/09/2021	QĐ Ban hành Quy chế Công bố thông tin	100%
38	38/NQ-HĐQT	08/10/2021	NQ phiên họp HĐQT ngày 08/10/2021	100%
39	39/NQ-HĐQT	08/10/2021	NQ phiên họp HĐQT ngày 08/10/2021	100%
40	40/QĐ-HĐQT	08/10/2021	QĐ Ban hành Quy chế làm việc và phân công nhiệm vụ của BCD phòng chống dịch bệnh Covid-19 của Cty Vitranschart	100%
41	41/NQ-HĐQT	25/10/2021	NQ v/v Kế hoạch hành động “Lấy khách hàng làm trung tâm”	100%
42	42/QĐ-HĐQT	24/11/2021	QĐ Ban hành quy chế Công tác tổ chức cán bộ	100%
43	43/QĐ-HĐQT	09/12/2021	QĐ v/v Quỹ tiền lương và thu nhập 2021, KH năm 2022	100%
44	44/QĐ-HĐQT	27/12/2021	QĐ Ban hành Đề án chuyển đổi số giai đoạn 2021-2025 của Vitranschart	100%

d. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.

- Ông Huỳnh Nam Anh: Chủ tịch HĐQT Công ty
- Ông Trịnh Hữu Lương: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty

e. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm

Trong năm 2021, các TV HĐQT, BĐH, BKS và các cán bộ chủ chốt của Công ty đã tham gia các khoá học liên quan đến quản trị Công ty như: Lãnh đạo kỹ nguyên 4.0, Huấn luyện viên nội bộ, Xây dựng tổ chức lấy khách hàng làm trung tâm, Kiểm soát tuân thủ, kiểm toán môi trường kiểm soát.

2. Ban kiểm soát

a. Danh sách các thành viên Ban kiểm soát (tính tại ngày 31/12/2021)

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	Vũ Thị Diệp	Trưởng Ban kiểm soát	0	0%
2	Trần Thị Thu Hà	Thành viên Ban kiểm soát	5	dưới 0,001%
3	Nguyễn Quỳnh Liên	Thành viên Ban kiểm soát	17.285	0,027%

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 ngày 29/4/2021, ĐHĐCĐ đã miễn nhiệm đối với 03 thành viên BKS bao gồm: Bà Lê Thị Liên Hương, Bà Hoàng Thị Thanh Phương, Bà Nguyễn Thị Băng Tâm và bầu bổ sung 03 thành viên BKS bao gồm: Bà Vũ Thị Diệp, Bà Trần Thị Thu Hà, Bà Nguyễn Quỳnh Liên (theo danh sách nêu trên).

b. Hoạt động của Ban kiểm soát

- Ban Kiểm soát đã thực hiện kiểm tra, giám sát việc chấp hành tuân thủ Điều lệ Công ty, quy định của pháp luật trong hoạt động quản lý của Hội đồng quản trị Công ty:

+ Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2021; thoái vốn tại doanh nghiệp có vốn góp; lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán BCTC năm 2021; ban hành Điều lệ sửa đổi, các quy chế, quy định nội bộ của Công ty; ...

+ Giám sát hoạt động quản lý của Hội đồng quản trị thông qua việc ban hành các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị; tham dự và đóng góp ý kiến đối với các nội dung tại cuộc họp của Hội đồng quản trị; ...

- Giám sát công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc:

Ban Kiểm soát đã bám sát Nghị quyết của ĐHĐCĐ, các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị để giám sát công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc. Ban Kiểm soát thường xuyên theo dõi tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty thông qua các báo cáo định kỳ và đột xuất để có ý kiến đóng góp đối với Công ty.

- Thẩm định, đánh giá Báo cáo tài chính:

Ban Kiểm soát thực hiện thẩm định Báo cáo tài chính bán niên và Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán nhằm đánh giá tính hợp lý của các số liệu tài chính, sự phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán và chính sách tài chính hiện hành của Việt Nam.

- Ban kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông:

Thực hiện nhiệm vụ theo quy định, Ban Kiểm soát đã thực hiện báo cáo ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 về kết quả giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ của Ban Kiểm soát trong năm 2020.

- Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban Kiểm soát duy trì tốt mối quan hệ công tác và phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty. Ban Kiểm soát thực hiện đầy đủ các báo cáo giám sát và báo cáo khác khi được yêu cầu.

- Các cuộc họp của Ban Kiểm soát trong năm 2021:

Stt	Ngày họp	Nội dung	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết
1	29/3/2021	Phân công thực hiện kiểm tra, giám sát năm 2020 và chuẩn bị Báo cáo của Ban Kiểm soát trình ĐHĐCĐ năm 2021	100%	100%
2	29/4/2021	Các thành viên Ban Kiểm soát họp bầu Trưởng Ban Kiểm soát	100%	100%
3	10/8/2021	Thông qua Báo cáo kiểm tra, giám sát 06 tháng đầu năm 2021	100%	100%
4	20/12/2021	Tổng kết kết quả thực hiện kế hoạch hoạt động năm 2021 và thống nhất kế hoạch hoạt động năm 2022 của Ban Kiểm soát	100%	100%

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BKS, Ban TGD:

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

- Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát của Công ty đều là các thành viên kiêm nhiệm (Chủ tịch HĐQT làm việc theo chế độ chuyên trách). Thù lao không chuyên trách hàng năm được trình Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch và quyết toán mức thù lao của năm trước. Tại thời điểm báo cáo, mức thù lao không chuyên trách đối với thành viên HĐQT, BKS như sau:

- + Chủ tịch HĐQT: 5 triệu đồng/tháng;
- + Phó Chủ tịch HĐQT: 4,5 triệu đồng/tháng;
- + Thành viên HĐQT: 4 triệu đồng/người/tháng.
- + Trưởng BKS: 4 triệu đồng/tháng;
- + Thành viên BKS: 3 triệu đồng/người/tháng.

- Tổng lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc (4 người) trong năm 2021 là 1,544 tỷ đồng

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:

Công đoàn Công ty Cổ phần Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam (Chủ tịch Công đoàn là thành viên HĐQT Công ty) đã bán 2.151.900 cổ phần VST từ 08/10/2021 – 31/12/2021.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:

Ngày 30/06/2021, Hội đồng Quản trị Công ty đã có Quyết định số 28/QĐ-HĐQT về việc ký kết hợp đồng cho thuê tàu trần - tàu VTC Ocean giữa Công ty cổ phần Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam và bên liên quan là Công ty TNHH Quản lý tàu biển Hải Đăng (Công ty con, tỷ lệ góp vốn 100%); Và ký kết hợp đồng thuê thuyền viên với Công ty TNHH Cung ứng thuyền viên SCC (Công ty con, tỷ lệ góp vốn 100%).

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

- Hội đồng quản trị đã thực hiện đúng các chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật, thực hiện nghiêm túc Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- Tổ chức các cuộc họp theo đúng quy định để trao đổi, phân tích, đi đến quyết định thống nhất các thành viên, chỉ đạo kịp thời các công việc phát sinh.

- Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty đúng chức năng nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và các quy định hiện hành.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH (đính kèm):

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06-43
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11-43

0100
C
BÁCH
HÀNH
1
02/1

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 2137/QĐ-BGTVT ngày 11 tháng 07 năm 2007 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 4103008926 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 02 tháng 11 năm 2021 với mã số doanh nghiệp là 0300448709.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Huỳnh Nam Anh	Chủ tịch	
Bà Phạm Thị Cẩm Hà	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 29/04/2021
Ông Trịnh Hữu Lương	Phó Chủ tịch	Bỏ nhiệm ngày 29/04/2021
Ông Nguyễn Minh Cường	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 29/04/2021
Bà Mai Thị Thu Vân	Ủy viên	
Ông Nguyễn Thanh Ngọc	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 29/04/2021
Ông Trần Trung Dũng	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 29/04/2021

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trịnh Hữu Lương	Tổng Giám đốc	
Ông Tạ Văn Thắng	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 29/04/2021
Bà Mai Thị Thu Vân	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Vương Nguyễn Triều Quang	Phó Tổng Giám đốc	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Vũ Thị Diệp	Trưởng ban	Bỏ nhiệm ngày 29/04/2021
Bà Trần Thị Thu Hà	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 29/04/2021
Bà Nguyễn Quỳnh Liên	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 29/04/2021
Bà Lê Thị Liên Hương	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 29/04/2021
Bà Hoàng Thị Thanh Phương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 29/04/2021
Bà Nguyễn Thị Băng Tâm	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 29/04/2021

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hăng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Trần Hữu Lương
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam được lập ngày 30 tháng 03 năm 2022, từ trang 06 đến trang 43, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại thời điểm 31/12/2021, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Công ty là 2.136 tỷ đồng, lỗ lũy kế là 2.362 tỷ đồng, chỉ tiêu vốn chủ sở hữu âm 1.716 tỷ đồng; lưu chuyển tiền thuần trong năm trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ âm 12,1 tỷ đồng. Đồng thời tại thuyết minh số 20- Vay, các khoản nợ vay đã quá hạn thanh toán lên tới 824 tỷ đồng. Tại thuyết minh số 17- Chi phí phải trả ngắn hạn, chi phí lãi vay phải trả cho các khoản vay quá hạn này là 1.105 tỷ đồng. Công ty chưa có phương án hiệu quả để khắc phục khả năng thanh khoản cũng như tìm kiếm được nguồn tiền để thanh toán cho các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng tới trong điều kiện hoạt động bình thường. Công ty cũng đang đối mặt với các vụ kiện của Ngân hàng về việc phải thanh toán ngay các khoản vay. Những sự kiện này, cùng với các vấn đề được nêu ở Thuyết minh số 1, cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2021 của Công ty vẫn được trình bày dựa trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề được nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến ngoại trừ về vấn đề: Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020 cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn dẫn đến nghi ngờ khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Báo cáo kiểm toán này phát hành để thay thế cho báo cáo kiểm toán số 280322.002/BCTC.KT2 ngày 28 tháng 03 năm 2022 do điều chỉnh sai sót in ấn trên báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 của Công ty.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2022

Đặng Huy Hoàng

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 4461-2018-002-1

Đ. M.S.D.N. 0100111105 - C.T. HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		171.069.490.765	91.301.054.771
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	19.409.760.141	31.450.612.063
111	1. Tiền		19.409.760.141	28.450.612.063
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	3.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		98.658.524.990	16.641.242.870
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	3.073.795.357	6.916.026.609
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	8.216.381.331	5.510.520.317
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	97.774.454.895	16.134.317.748
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(10.406.106.593)	(11.919.621.804)
140	IV. Hàng tồn kho	9	39.444.376.097	30.686.372.220
141	1. Hàng tồn kho		39.444.376.097	30.686.372.220
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		13.556.829.537	12.522.827.618
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	3.567.009.972	292.111.765
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		9.942.715.670	11.925.348.109
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	47.103.895	305.367.744
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		471.119.246.035	619.203.715.867
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		22.279.281.482	23.306.265.730
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	22.279.281.482	23.306.265.730
220	II. Tài sản cố định		420.301.047.717	562.478.056.967
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	420.262.797.717	562.456.034.717
222	- Nguyên giá		2.350.318.147.303	2.348.741.729.704
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.930.055.349.586)	(1.786.285.694.987)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	38.250.000	22.022.250
228	- Nguyên giá		7.259.395.096	8.069.867.315
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(7.221.145.096)	(8.047.845.065)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	10	1.785.604.375	625.985.288
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		1.785.604.375	625.985.288
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	2.000.000.000	3.276.212.378
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		-	1.276.212.378
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		2.000.000.000	2.000.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		24.753.312.461	29.517.195.504
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	24.753.312.461	29.517.195.504
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		642.188.736.800	710.504.770.638

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤTTại ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2.358.501.393.491	2.424.745.643.146
310	I. Nợ ngắn hạn		2.307.616.033.175	2.220.683.006.963
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	47.371.759.204	73.093.790.188
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	15.302.454.878	12.330.989.591
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	550.659.747	288.927.177
314	4. Phải trả người lao động		33.728.324.559	38.181.834.456
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	1.114.935.353.307	985.457.633.730
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	18	5.540.836.422	8.251.647.957
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	19	31.190.598.159	32.287.106.323
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	1.057.459.190.206	1.069.215.365.317
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.536.856.693	1.575.712.224
330	II. Nợ dài hạn		50.885.360.316	204.062.636.183
337	1. Phải trả dài hạn khác	19	8.404.589.178	8.404.589.178
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	20	42.480.771.138	195.054.750.316
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		-	603.296.689
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		(1.716.312.656.691)	(1.714.240.872.508)
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	(1.716.312.656.691)	(1.714.240.872.508)
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		629.993.370.000	629.993.370.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		629.993.370.000	629.993.370.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		88.258.000	88.258.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		10.753.625.664	9.662.314.492
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		4.840.727.077	4.840.727.077
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(2.361.988.637.432)	(2.358.825.542.077)
421a	LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước		(2.359.948.877.160)	(2.053.182.368.797)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		(2.039.760.272)	(305.643.173.280)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		642.188.736.800	710.504.770.638


 Lê Kim Phụng
 Kế toán trưởng


 Mai Thị Thu Vân
 Phó Tổng Giám đốc Tài chính


 Trần Hữu Lương
 Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	502.825.170.945	421.164.482.891
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24	363.777.987	5.700.508.321
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		502.461.392.958	415.463.974.570
11	4. Giá vốn hàng bán	25	463.293.756.741	529.819.967.054
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		39.167.636.217	(114.355.992.484)
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26	10.686.760.364	4.019.959.577
22	7. Chi phí tài chính	27	88.343.822.405	61.014.770.551
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		86.047.356.982	58.439.705.503
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		(166.085.243)	(613.304.174)
25	9. Chi phí bán hàng	28	6.866.554.072	2.369.737.876
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	24.770.064.970	28.453.440.763
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(70.292.130.109)	(202.787.286.271)
31	12. Thu nhập khác	30	120.310.103.697	885.876.698
32	13. Chi phí khác	31	49.756.611.484	100.998.988.454
40	14. Lợi nhuận khác		70.553.492.213	(100.113.111.756)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		261.362.104	(302.900.398.027)
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	32	2.301.122.376	2.742.775.253
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(2.039.760.272)	(305.643.173.280)
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		(2.039.760.272)	(305.643.173.280)
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		-	-
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	33	(32)	(4.852)


Lê Kim Phụng
Kế toán trưởng


Mai Thị Thu Vân
Phó Tổng Giám đốc Tài chính


Trần Hữu Lương
Tổng Giám đốc



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		261.362.104	(302.900.398.027)
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		144.741.427.432	145.117.395.817
03	- Các khoản dự phòng		(1.513.515.211)	1.513.515.211
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(8.599.047.830)	(2.680.154.107)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.553.868.359)	69.689.084
06	- Chi phí lãi vay		86.047.356.982	58.439.705.503
07	- Các khoản điều chỉnh khác		(117.226.138.368)	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		102.157.576.750	(100.440.246.519)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(77.516.035.038)	6.761.784.355
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(8.758.003.877)	(1.294.906.205)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		12.368.824.664	116.044.545.357
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		15.224.366.938	10.589.022.350
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.707.894.634)	(3.022.923.918)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(675.380.000)	(400.429.580)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		41.093.454.803	28.236.845.840
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(17.459.419.371)	(31.105.817.621)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		258.772.727	-
26	3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.177.440.000	-
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.393.868.010	543.615.090
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(14.629.338.634)	(30.562.202.531)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
34	1. Tiền trả nợ gốc vay		(38.554.074.995)	(18.266.033.655)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(38.554.074.995)	(18.266.033.655)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(12.089.958.826)	(20.591.390.346)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		31.450.612.063	51.848.050.788
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		49.106.904	193.951.621
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	19.409.760.141	31.450.612.063


 Lê Kim Phụng
 Kế toán trưởng


 Mai Thị Thu Vân
 Phó Tổng Giám đốc Tài chính


 Trần Hữu Lương
 Tổng Giám đốc


Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2021

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 2137/QĐ-BGTVT ngày 11 tháng 07 năm 2007 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 4103008926 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 02 tháng 11 năm 2021 với mã số doanh nghiệp là 0300448709.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 629.993.370.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 629.993.370.000 đồng; tương đương 62.999.337 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 724 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 795 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh thương mại, dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương. Chi tiết: Kinh doanh vận tải biển;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan;
- Bốc xếp hàng hóa. Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Dịch vụ cung ứng tàu biển. Dịch vụ giao nhận hàng hóa. Kinh doanh vận tải đa phương thức quốc tế. Dịch vụ tiếp vận. Dịch vụ khai thuê hải quan. Cho thuê kho bãi, container. Dịch vụ đại lý tàu biển. Môi giới thuê tàu biển. Căn hàng hóa liên quan đến vận tải;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động. Chi tiết: Xuất khẩu lao động;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác). Chi tiết: Sửa chữa tàu biển;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán phương tiện, thiết bị, phụ tùng ngành vận tải biển, vật tư, hóa chất, sơn phục vụ sửa chữa và bảo dưỡng tàu biển;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Mua bán nguyên vật liệu ngành xây dựng;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Đại lý kinh doanh xăng dầu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (không hoạt động tại trụ sở).

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Tại thời điểm 31/12/2021, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Công ty là 2.136 tỷ đồng, lỗ lũy kế là 2.362 tỷ đồng, chỉ tiêu vốn chủ âm 1.716 tỷ đồng; lưu chuyển tiền thuần trong năm trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ âm 12,1 tỷ đồng. Đồng thời tại thuyết minh số 20- Vay, các khoản nợ vay đã quá hạn thanh toán lên tới 824 tỷ đồng. Tại thuyết minh số 17- Chi phí phải trả ngắn hạn, chi phí lãi vay phải trả cho các khoản vay quá hạn này là 1.105 tỷ đồng. Công ty đang phấn đấu giảm lỗ tối đa và tìm kiếm cơ hội tái cơ cấu tài chính để bù đắp phần lỗ, đưa lợi nhuận của Công ty về mức cân bằng. Với các kế hoạch và định hướng đã đề ra, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2021 trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

Doanh thu năm 2021 tăng 19,39% so với năm 2020 do trong năm 2021 các con tàu đã lên đà sửa chữa xong và được cho thuê ổn định trở lại; bên cạnh đó giá cước thị trường tàu hàng khô tăng đột biến do nguồn cung tàu bị thiết hụt dẫn đến giá cước tàu tăng đáng kể dẫn đến doanh thu năm nay tăng mạnh. Như đã nói ở trên năm 2020 Công ty sửa chữa lên đà tàu VTC Sun, VTC Planet, VTC Phoenix. do đó các chi phí về nguyên liệu, vật liệu và chi phí khác phục vụ hoạt động của tàu trong thời gian không cho thuê hạn định được ghi nhận toàn bộ vào chi phí trong kỳ dẫn đến giá vốn năm 2020 tăng mạnh. Đến năm nay các con tàu đều hoạt động ổn định các chi phí liên quan đến hoạt động vận hành của tàu được người thuê tàu chịu trách nhiệm dẫn đến giá vốn giảm 12,56% so với năm trước. Điều này dẫn đến lợi nhuận về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm nay tăng mạnh so với năm ngoái đạt 39,2 tỷ đồng.

Cấu trúc Tập đoàn

- Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2021 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Cung ứng thuyền viên SCC (SCCM)	Tp. Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Xuất khẩu lao động, cung ứng thuyền viên
Công ty TNHH Quản lý tàu biển Hải Đăng	Tp. Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Vận tải biển

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty và Báo cáo tài chính của công ty con do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của công ty này.

Báo cáo tài chính của công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Công ty áp dụng tỷ giá thực tế là tỷ giá xấp xỉ, tỷ giá này chênh lệch không quá 1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc: Công ty sử dụng tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của các ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch để đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết từ sau ngày đầu tư đến đầu kỳ báo cáo, Công ty thực hiện như sau: Đối với phần điều chỉnh vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của các kỳ trước, Công ty thực hiện điều chỉnh vào Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo số đã điều chỉnh lũy kế thuần đến đầu kỳ báo cáo.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết phát sinh trong kỳ, Công ty thực hiện điều chỉnh giá trị khoản đầu tư tương ứng với phần sở hữu trong lãi, lỗ của công ty liên doanh, liên kết và ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50	năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 12	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 20	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08	năm
- Phần mềm quản lý	03 - 08	năm

2.11 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.
- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 tháng đến 36 tháng.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.14 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.15 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.16 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm tài chính nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm tài chính.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.17 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là doanh thu nhận trước từ số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tàu biển và dịch vụ vận tải.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.18 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty;
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.19 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.20 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là giảm giá hàng bán.

Giảm giá hàng bán phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.21 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.22 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.23 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**a) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

c) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

2.24 . Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.25 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.26 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	32.063.000	18.514.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (*)	19.377.697.141	28.432.098.063
+ Tiền Việt Nam	5.464.408.312	19.199.371.028
+ Ngoại tệ	13.913.288.829	9.232.727.035
Các khoản tương đương tiền	-	3.000.000.000
	<u>19.409.760.141</u>	<u>31.450.612.063</u>

(*) Gồm tiền lương và thu nhập khác của Thuyền viên chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM
428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư góp vốn vào Công ty liên doanh, liên kết

	31/12/2021			01/01/2021				
	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu
				VND				VND
Đầu tư vào công ty liên kết								
- Công ty Cổ phần Cung ứng dịch vụ hàng hải và Xuất nhập khẩu Phương Đông (PDIMEX JSC)	Số 438 Nguyễn Tất Thành, P.18, Q.4, Tp Hồ Chí Minh	0,00%	0,00%	-	Số 438 Nguyễn Tất Thành, P.18, Q.4, Tp Hồ Chí Minh	26,46%	26,46%	1.276.212.378
				-				1.276.212.378

(*) Theo nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/04/2021 và nghị quyết số 29/NQ/HĐQT 06/07/2021 về phương án thoái vốn tại Công ty Cổ phần Cung ứng dịch vụ Xuất nhập khẩu Phương Đông. Tới thời điểm 29/11/2021, Công ty đã thực hiện thoái vốn xong khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Cung ứng Dịch vụ Xuất nhập khẩu Phương Đông.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2021			01/01/2021		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH Lancaster Tân Thuận	2.000.000.000	-	-	2.000.000.000	-	-
	2.000.000.000	-	-	2.000.000.000	-	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Đầu tư vào đơn vị khác

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty TNHH Lancaster Tân Thuận	Tp Hồ Chí Minh	10,00%	10,00%	Kinh doanh bất động sản cho thuê

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- Ocean Horizon Shipping.Co SA	-	-	5.016.623.660	(1.513.515.211)
- Evergreen Marine	961.436.327	-	504.983.184	-
- Daiichi Chuo Naiko Kaisha	1.796.227.802	-	1.199.899.328	-
- Phải thu khách hàng khác	316.131.228	(111.496.589)	194.520.437	(111.496.589)
	<u>3.073.795.357</u>	<u>(111.496.589)</u>	<u>6.916.026.609</u>	<u>(1.625.011.800)</u>

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Ben Line Agencies (Myanmar) Ltd	-	-	1.485.496.800	-
- Công ty TNHH MTV Đóng tàu và Công nghiệp Hàng hải Sài Gòn	1.400.000.000	-	-	-
- Công ty TNHH An Tín Hải Phòng	2.178.300.000	-	-	-
- Đối tượng khác	4.638.081.331	-	4.025.023.517	-
	<u>8.216.381.331</u>	<u>-</u>	<u>5.510.520.317</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
- Tạm ứng	2.597.097.844	-	5.013.645.108	-
- Ký cược, ký quỹ	80.060.453.120	-	58.953.120	-
- Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn dương Vinashinlines ⁽¹⁾	9.033.915.535	(9.033.915.535)	9.033.915.535	(9.033.915.535)
- Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Việt Nam ⁽²⁾	1.208.068.467	(1.208.068.467)	1.208.068.467	(1.208.068.467)
- Phải thu khác	4.874.919.929	(52.626.002)	819.735.518	(52.626.002)
	97.774.454.895	(10.294.610.004)	16.134.317.748	(10.294.610.004)
b) Dài hạn				
- Ký cược, ký quỹ	3.084.500.000	-	4.084.500.000	-
- Khoản ký cược, ký quỹ cho hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty TNHH Trung Thủy Lancaster ⁽³⁾	19.194.781.482	-	19.221.765.730	-
	22.279.281.482	-	23.306.265.730	-

(1) Khoản tiền hỗ trợ sửa chữa con tàu Vinashin Eagle chỉ trả thay cho Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn dương Vinashinlines;

(2) Khoản chi trả hộ công nợ Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Việt Nam;

(3) Khoản ký quỹ để thực hiện hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2015/HĐ-TTL ngày 24/07/2015 với Công ty TNHH Trung Thủy Lancaster. Hợp đồng hợp tác đầu tư lập ra pháp nhân mới là Công ty TNHH Lancaster Tân Thuận để thực hiện dự án căn hộ kết hợp thương mại dịch vụ tại khu II số 428 Nguyễn Tất Thành, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh. Khoản ký quỹ này đã được Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam phong tỏa. Xem thêm Thuyết minh số 04 - Các khoản đầu tư tài chính và Thuyết minh số 19 - Phải trả khác.

8 . NỢ XẤU

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:				
- Công ty TNHH MTV vận tải viễn dương Vinashin (Vinashinlines)	9.033.915.535	-	9.033.915.535	-
- Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (Falcon)	1.208.068.467	-	1.208.068.467	-
- Ocean Horizon Shipping.Co SA	-	-	5.016.623.660	3.503.108.449
- Các khoản khác	164.122.591	-	164.122.591	-
	10.406.106.593	-	15.422.730.253	3.503.108.449

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	27.603.166.850	-	19.650.237.928	-
Công cụ, dụng cụ	11.841.209.247	-	11.036.134.292	-
	39.444.376.097	-	30.686.372.220	-

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	713.985.291	625.985.288
- Dự án xây dựng cải tạo tòa nhà văn phòng Khu I số 428 Nguyễn Tất Thành (*)	625.985.288	625.985.288
- Dự án Phần mềm e-office	28.000.000	-
- Dự án Phần mềm quản lý phụ tùng vật tư đội tàu	60.000.003	-
Sửa chữa lớn tài sản cố định	1.071.619.084	-
- Sửa chữa lớn tàu VTC Sun năm 2021	1.071.619.084	-
	1.785.604.375	625.985.288

(*) Khu đất 428 Nguyễn Tất Thành, phường 18, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh bao gồm 2 khu đất. Trong đó Khu I với diện tích 1.053,8 m2 đang được Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh cho Công ty thuê (thuê đất trả tiền hàng năm) và sử dụng làm trụ sở làm việc. Khu II với diện tích 2.164,9 m2 đang thuộc quyền sử dụng của Công ty TNHH Lancaster Tân Thuận thực hiện triển khai dự án Căn hộ kết hợp thương mại dịch vụ.

Trên diện tích đất của Công ty đang quản lý sử dụng Công ty đã có dự án đầu tư xây dựng văn phòng làm việc tại Khu số 428 Nguyễn Tất Thành. Dự án đầu tư đã bắt đầu khảo sát từ năm 2010, tuy nhiên do còn vướng mắc thủ tục với các cơ quan ban ngành nên dự án chưa thể triển khai.

11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng	
	VND		VND		VND		VND		VND	
Nguyên giá										
Số dư đầu năm	8.191.134.400		5.671.744.431		2.328.518.870.350		6.359.980.523		2.348.741.729.704	
- Mua trong năm	-		2.294.818.182		-		218.600.000		2.513.418.182	
- Thanh lý, nhượng bán	-		-		(749.656.416)		(187.344.167)		(937.000.583)	
Số dư cuối năm	8.191.134.400		7.966.562.613		2.327.769.213.934		6.391.236.356		2.350.318.147.303	
Giá trị hao mòn lũy kế										
Số dư đầu năm	8.147.281.403		3.972.895.069		1.768.307.660.834		5.857.857.681		1.786.285.694.987	
- Khấu hao trong năm	43.852.997		872.340.483		143.587.085.848		203.375.854		144.706.655.182	
- Thanh lý, nhượng bán	-		-		(749.656.416)		(187.344.167)		(937.000.583)	
Số dư cuối năm	8.191.134.400		4.845.235.552		1.911.145.090.266		5.873.889.368		1.930.055.349.586	
Giá trị còn lại										
Tại ngày đầu năm	43.852.997		1.698.849.362		560.211.209.516		502.122.842		562.456.034.717	
Tại ngày cuối năm	-		3.121.327.061		416.624.123.668		517.346.988		420.262.797.717	

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 416.549.796.396 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 15.800.662.316 đồng.

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	8.069.867.315	8.069.867.315
- Mua trong năm	51.000.000	51.000.000
- Thanh lý, nhượng bán	(861.472.219)	(861.472.219)
Số dư cuối năm	7.259.395.096	7.259.395.096
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	8.047.845.065	8.047.845.065
- Khấu hao trong năm	34.772.250	34.772.250
- Thanh lý, nhượng bán	(861.472.219)	(861.472.219)
Số dư cuối năm	7.221.145.096	7.221.145.096
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	22.022.250	22.022.250
Tại ngày cuối năm	38.250.000	38.250.000

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	37.621.963	16.421.818
Chi phí bảo hiểm đội tàu, hỏa hoạn	3.137.518.426	88.202.821
Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng văn phòng khác	59.341.412	179.818.581
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	332.528.171	7.668.545
	3.567.009.972	292.111.765
b) Dài hạn		
Sửa chữa lớn tài sản cố định chờ phân bổ (*)	23.585.204.574	27.902.428.614
Công cụ dụng cụ xuất dùng	-	806.684.043
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.168.107.887	808.082.847
	24.753.312.461	29.517.195.504

(*) Căn cứ quy định kiểm tra, phân cấp tàu biển Việt Nam theo chu kỳ 5 năm (trong đó kiểm tra trên đà được tiến hành 2 lần trong một chu kỳ 5 năm với thời hạn không quá 3 năm giữa 2 lần lên đà). Trong năm 2021, Công ty đã thực hiện sửa chữa lên đà cho 03 tàu, VTC Sun, VTC Glory, VTC Ocean.

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh	322.986.292	322.986.292	2.402.563.300	2.402.563.300
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Xích Đạo	3.789.808.267	3.789.808.267	4.826.228.011	4.826.228.011
Công ty Cổ phần Đầu Khí Quốc Tế PS	3.155.685.082	3.155.685.082	5.724.368.017	5.724.368.017
Công ty TNHH TM & DV Hồng Thư	3.984.860.488	3.984.860.488	5.384.860.488	5.384.860.488
Phải trả các đối tượng khác	36.118.419.075	36.118.419.075	54.755.770.372	54.755.770.372
	47.371.759.204	47.371.759.204	73.093.790.188	73.093.790.188

15 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Daedong Shipping Co., ltd	8.531.544.658	2.077.101.474
- Shengfa Shipping (Hong Kong) Co., ltd	325.487.498	325.487.498
- Winner Shipping Co.,Ltd	3.215.441.100	3.215.441.100
- Axle Marine Pte Ltd	-	3.486.737.064
- Đối tượng khác	3.229.981.622	3.226.222.455
	15.302.454.878	12.330.989.591

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUẾ TÀU BIỂN VIỆT NAM
428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	242.980.971	3.259.055.183	3.269.878.802	-	232.157.352
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	29.413.572	29.413.572	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	302.714.296	-	2.299.918.507	1.707.894.634	22.565.631	311.875.208
Thuế Thu nhập cá nhân	2.653.448	45.946.206	145.154.026	205.357.861	23.538.264	6.627.187
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	2.017.959.790	2.017.959.790	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	10.000.000	11.000.000	1.000.000	-
	305.367.744	288.927.177	7.761.501.078	7.241.504.659	47.103.895	550.659.747

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Chi phí lãi vay (*)	1.105.380.921.947	973.088.152.341
- Cảng phí nước ngoài	-	62.008.201
- Tiền ăn của thuyền viên	4.261.105.169	3.930.397.740
- Phải trả tiền lương thuyền viên	3.564.332.325	3.071.986.528
- Chi phí bảo hiểm	-	3.728.014.033
- Chi phí phải trả khác	1.728.993.866	1.577.074.887
	1.114.935.353.307	985.457.633.730
Chi phí lãi vay quá hạn thanh toán	1.105.380.921.947	973.088.152.341

(*) Trong đó chi phí lãi vay phải trả cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch II tại thời điểm 31/12/2021 và 01/01/2021 lần lượt là 40.493.669.778 đồng và 37.065.815.183 đồng.

18 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Doanh thu chưa thực hiện	5.540.836.422	8.251.647.957
	5.540.836.422	8.251.647.957

19 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	5.559.366.713	5.760.002.608
- Bảo hiểm xã hội	523.304.120	852.044.451
- Bảo hiểm y tế	124.797.192	9.386.428
- Bảo hiểm thất nghiệp	81.129.623	9.571.067
- Công ty TNHH Tân Thuận Landcaster	19.194.781.482	19.195.031.971
- Khoản mượn tiền bà Dương Thanh Thủy lãi suất 0%	2.000.000.000	2.000.000.000
- Khoản lãi chậm trả Công ty Cổ phần Cung ứng Dịch vụ Hàng hải và XNK Phương Đông (PDIMEX JSC)	-	1.048.676.014
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.707.219.029	3.412.393.784
	31.190.598.159	32.287.106.323
b) Dài hạn		
- Phải trả Công ty Đóng tàu Bạch Đằng tàu VTC Phoenix	8.404.589.178	8.404.589.178
	8.404.589.178	8.404.589.178

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM
428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

20 . VAY

	01/01/2021		Trong năm		31/12/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn						
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Tp.HCM ⁽¹⁾	199.054.068.672	199.054.068.672	805.144.500	7.642.505.756	192.216.707.416	192.216.707.416
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội sở ⁽²⁾	87.026.953.937	87.026.953.937	805.144.500	2.926.232.034	84.905.866.403	84.905.866.403
- Ngân hàng TMCP Á Châu ⁽³⁾	6.087.134.413	6.087.134.413	-	2.449.487.368	3.637.647.045	3.637.647.045
- Ngân hàng TMCP Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch II ⁽⁴⁾	105.939.980.322	105.939.980.322	-	2.266.786.354	103.673.193.968	103.673.193.968
- Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh Tp.HCM ⁽⁵⁾	793.036.367.989	793.036.367.989	51.833.271.000	20.813.462.598	824.056.176.391	824.056.176.391
- Ngân hàng TMCP Á Châu ⁽³⁾	26.899.375.000	26.899.375.000	-	1.031.154.308	25.868.220.692	25.868.220.692
- Ngân hàng TMCP Phát triển Việt Nam - Chi nhánh khu vực Đồng Bắc ⁽⁵⁾	325.829.108.907	325.829.108.907	-	10.226.264.615	315.602.844.292	315.602.844.292
- Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh Tp.HCM ⁽⁶⁾	8.671.000.000	8.671.000.000	-	10.000.000	8.661.000.000	8.661.000.000
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh khu vực Đồng Bắc ⁽⁵⁾	258.032.600.000	258.032.600.000	23.400.000.000	4.120.000.000	277.312.600.000	277.312.600.000
- Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh Tp.HCM ⁽⁶⁾	173.604.284.082	173.604.284.082	28.433.271.000	5.426.043.675	196.611.511.407	196.611.511.407
Nợ dài hạn đến hạn trả						
- Ngân hàng TMCP Á Châu ⁽³⁾	77.124.928.656	77.124.928.656	34.759.282.420	70.697.904.677	41.186.306.399	41.186.306.399
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh khu vực Đồng Bắc ⁽⁵⁾	1.387.683.958	1.387.683.958	574.980.000	595.503.958	1.367.160.000	1.367.160.000
- Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh Tp.HCM ⁽⁶⁾	25.889.000.000	25.889.000.000	-	23.400.000.000	2.489.000.000	2.489.000.000
- Công ty TNHH MTV Mua bán nợ Việt Nam - Chi nhánh Tp.HCM	37.848.244.698	37.848.244.698	28.433.271.000	28.951.369.299	37.330.146.399	37.330.146.399
- Công ty TNHH MTV Mua bán nợ Việt Nam - Chi nhánh Tp.HCM	12.000.000.000	12.000.000.000	5.751.031.420	17.751.031.420	-	-
	1.069.215.365.317	1.069.215.365.317	87.397.697.920	99.153.873.031	1.057.459.190.206	1.057.459.190.206

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM
428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

b) Vay dài hạn

	01/01/2021		Trong năm		31/12/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Tp.HCM ⁽¹⁾	26.899.375.000	26.899.375.000	VND -	VND 1.031.154.308	VND 25.868.220.692	VND 25.868.220.692
- Ngân hàng TMCP Á Châu ⁽³⁾	333.417.715.435	333.417.715.435	574.980.000	11.472.750.695	322.519.944.740	322.519.944.740
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch II ⁽⁴⁾	8.671.000.000	8.671.000.000	-	10.000.000	8.661.000.000	8.661.000.000
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh khu vực Đông Bắc ⁽⁵⁾	283.921.600.000	283.921.600.000	23.400.000.000	27.520.000.000	279.801.600.000	279.801.600.000
- Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh Tp.HCM ⁽⁶⁾	277.329.186.738	277.329.186.738	56.866.542.000	63.323.240.242	270.872.488.496	270.872.488.496
- Công ty TNHH MTV Mua bán nợ Việt Nam - Chi nhánh Tp.HCM	134.977.169.788	134.977.169.788	5.751.031.420	140.728.201.208	-	-
	<u>1.065.216.046.961</u>	<u>1.065.216.046.961</u>	<u>86.592.553.420</u>	<u>244.085.346.453</u>	<u>907.723.253.928</u>	<u>907.723.253.928</u>
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(870.161.296.645)	(870.161.296.645)			(865.242.482.790)	(865.242.482.790)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	<u>195.054.750.316</u>	<u>195.054.750.316</u>			<u>42.480.771.138</u>	<u>42.480.771.138</u>

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:

S T T	Ngân hàng	Thời hạn vay	Số dư 31/12/2021 (Nguyên tệ)	Số dư quy đổi VND 31/12/2021	Phân loại			Mục đích vay	Tình hình	Tài sản đảm bảo
					Nợ ngắn hạn	Nợ đã quá hạn thanh toán	Nợ dài hạn đến hạn trả			
1	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Tp.HCM			110.774.087.095	84.905.866.403	25.868.220.692	-			
	Hợp đồng số 176/2014- HDTDHM- VTC ngày 15/07/2014	12 tháng	3.736.053,08 USD	84.905.866.403	84.905.866.403	-	-	Bổ sung vốn lưu động	Đã quá hạn thanh toán và được ngân hàng tái cơ cấu theo lịch trả nợ ngày 14/10/2015	Tin chấp
	Số 89/07/HCM ngày 02/01/2007		25.868.220.692 VND	25.868.220.692	-	25.868.220.692	-	Đầu tư đóng mới tàu chở hàng khô loại 22.500 DWT - chiếc 02/KH2005 (VTC Phoenix)	Đã quá hạn thanh toán và được gia hạn tới 29/07/2020	Tàu VTC Phoenix, Số hiệu/Số IMO: 3WXR/9536337 theo đự án đầu tư đóng mới tàu chở hàng khô loại 22.500 DWT chiếc số 02/KH2005
2	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội sở			3.637.647.045	3.637.647.045	-	-			
	Hợp đồng số 529914 VPB Vitarschart ngày 26/05/2014	12 tháng	159.643,95 USD	3.637.647.045	3.637.647.045	-	-	Bổ sung vốn lưu động	Đã quá hạn thanh toán và được ngân hàng tái cơ cấu lịch trả nợ theo Công văn số 2711/2018/CV- VPB-CIB ngày 27/11/2018	- Là toàn bộ các khoản phải thu đã hình thành và sẽ hình thành của bên Vay - 490.600 cổ phần của bên Vay tại Công ty Cổ phần Cung ứng Dịch vụ Hàng hải và Xuất nhập khẩu Phương Đông

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM
428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:

S T T	Ngân hàng	Thời hạn vay	Số dư 31/12/2021 (Nguyên tệ)	Số dư quy đổi VNĐ 31/12/2021	Phân loại			Mục đích vay	Tình hình	Tài sản đảm bảo
					Nợ ngắn hạn	Nợ đã quá hạn thanh toán	Nợ dài hạn đến hạn trả			
3	Ngân hàng TMCP Á Châu			426.193.138.708	103.673.193.968	315.602.844.292	1.367.160.000	5.549.940.448		
	Số 41222579/SĐ BS07 ngày 28/05/2008	96 tháng	88.451.125.000 VNĐ	88.451.125.000	-	88.451.125.000	-	Đầu tư mua tàu chở hàng khô trọng tải 22.176 DWT	Đã quá hạn thanh toán và Ngân hàng kiến ra toà	Tàu chở hàng khô VTC Planet Số hiệu/ Số IMO 3WVU-0960730 trọng tải 22.176 DWT
	Số SGD.DN 01220108 ngày 22/01/2008	96 tháng	9.968.915,97 USD	227.151.719.292	-	227.151.719.292	-	Đầu tư mua tàu chở hàng khô trọng tải 23.581 DWT	Đã quá hạn thanh toán và Ngân hàng kiến ra toà	Tàu chở hàng khô VTC Sun Số hiệu/ số IMO 3WRF-9146895
	Số SGD.DN 01130312/M MLC ngày 22/03/2012	12 tháng	76.332.634.055 VNĐ và 1.194.405,33 USD	103.673.193.968	103.673.193.968	-	-	Bổ sung vốn lưu động	Đã quá hạn thanh toán và Ngân hàng kiến ra toà	Tàu VTC Sun, VTC Planet thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam
	Số 01261206/01 TEN/SĐBS-4 ngày 25/05/2013	60 tháng	303.568 USD	6.917.100.448	-	-	1.367.160.000	Đầu tư đóng mới tàu chở hàng khô trọng tải 22.500 DWT, chiếc số 03/KH-2004	Đã quá hạn thanh toán và được Ngân hàng gia hạn tới tháng 11/2020	Tàu chở hàng khô VTC Dragon 22.500 DWT - Chiếc số 03/KH 2004
4	Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch II			8.661.000.000	-	8.661.000.000	-	-		
	Số 83/2011/HĐT ĐĐTĐBS- NHPT ngày 27/12/2011	180 tháng	8.661.000.000 VNĐ	8.661.000.000	-	8.661.000.000	-	Đầu tư đóng tàu chở hàng khô 6.500 DWT - Chiếc số 04/KH2004	Đã quá hạn thanh toán và được gia hạn tới tháng 08/2020	Tàu Viễn Đông 5 đã bán ngày 03/07/2019 Hiện tại không còn TSĐB

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:

S T T	Ngân hàng	Thời hạn vay	Số dư 31/12/2021 (Nguyên tệ)	Số dư quy đổi VNĐ 31/12/2021	Phân loại				Mục đích vay	Tình hình	Tài sản đảm bảo
					Nợ ngắn hạn	Nợ đã quá hạn thanh toán	Nợ dài hạn đến hạn trả	Vay dài hạn			
5	Ngân hàng Phát triển Việt Nam - khu vực Đông Bắc			279.801.600.000	-	277.312.600.000	2.489.000.000	-			
	Số	06/2003/HĐT D-TWTW ngày 21/07/2003	144 tháng	32.092.600.000 VNĐ	-	32.092.600.000			Đầu tư đóng tàu chở hàng khô 6.500 DWT	Được tái cơ cấu lịch trả nợ tới tháng 6/2018	Tài sản hình thành từ vốn vay là Tàu chở hàng khô 6.500 DWT- Tàu Viễn Đông 3
	Số	05/2005/HĐT D -TDTW ngày 28/07/2005	144 tháng	115.807.000.000 VNĐ	-	115.807.000.000			Đầu tư đóng tàu chở hàng khô 22.500 DWT	Được gia hạn thanh toán tới tháng 8/2020	Tài sản hình thành từ vốn vay là Tàu chở hàng khô 22.500 DWT - Tàu VTC Dragon
	Số	07/2006/HĐT DSE-TDI ngày 31/08/2011	144 tháng	131.902.000.000 VNĐ	-	129.413.000.000	2.489.000.000		Đầu tư đóng tàu chở hàng khô 22.500 DWT	Được gia hạn thanh toán tới tháng 11/2021	Tài sản được hình thành từ vốn vay là Tàu chở hàng khô 22.500 DWT - VTC Phoenix
6	Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh Tp.HCM			270.872.488.496	-	196.611.511.407	37.330.146.399	36.930.830.690			
	Số	1007968.A.10 .HDTD.HCM ngày 01/06/2010	96 tháng	11.887.671,75 USD	-	196.611.511.407	37.330.146.399		Đầu tư mua tàu VTC Glory tái trọng 23.620 DWT	Đã quá hạn thanh toán và gia hạn tới tháng 6/2020	Tài sản được hình thành từ vốn vay là tàu VTC Glory tái trọng 23.620 DWT
	Tổng cộng			1.099.939.961.344	192.216.707.416	824.056.176.391	41.186.306.399	42.480.771.138			

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

21 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND		VND		VND		VND		VND		VND
Số dư đầu năm trước	609.993.370.000		88.258.000		9.662.314.492		4.840.727.077		(2.053.182.368.797)		(1.428.597.699.228)
Tăng vốn trong năm trước	20.000.000.000		-		-		-		-		20.000.000.000
Lỗ trong năm trước	-		-		-		-		(305.643.173.280)		(305.643.173.280)
Số dư cuối năm trước	629.993.370.000		88.258.000		9.662.314.492		4.840.727.077		(2.358.825.542.077)		(1.714.240.872.508)
Số dư đầu năm nay	629.993.370.000		88.258.000		9.662.314.492		4.840.727.077		(2.358.825.542.077)		(1.714.240.872.508)
Lỗ trong năm nay	-		-		-		-		(2.039.760.272)		(2.039.760.272)
Phân phối lợi nhuận	-		-		1.091.311.172		-		(1.726.631.772)		(635.320.600)
Tăng do xóa bút toán Thuế TNDN hoãn lại phải trả	-		-		-		-		603.296.689		603.296.689
Số dư cuối năm nay	629.993.370.000		88.258.000		10.753.625.664		4.840.727.077		(2.361.988.637.432)		(1.716.312.656.691)

Theo Thông báo số 01 ngày 14/02/2021 của Hội đồng thành viên Công ty TNHH Cung ứng thuyền viên SCC (Công ty con của Công ty) công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2020 như sau:

Phân phối lợi nhuận	Tại công ty con
	VND
Trích Quỹ đầu tư phát triển	1.091.311.172
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	635.320.600
Chuyển LN về công ty mẹ	1.413.669.812

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam - CTCP	47,44%	298.880.000.000	47,44%	298.880.000.000
Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam	6,35%	40.000.000.000	6,35%	40.000.000.000
Công đoàn Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam	5,60%	35.264.000.000	8,99%	56.656.000.000
Các cổ đông khác	40,61%	255.849.370.000	37,22%	234.457.370.000
	100%	629.993.370.000	100%	629.993.370.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	629.993.370.000	629.993.370.000
- Vốn góp đầu năm	629.993.370.000	609.993.370.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	20.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	629.993.370.000	629.993.370.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	62.999.337	62.999.337
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	62.999.337	62.999.337
- Cổ phiếu phổ thông	62.999.337	62.999.337
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	62.999.337	62.999.337
- Cổ phiếu phổ thông	62.999.337	62.999.337
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Quỹ đầu tư phát triển	10.753.625.664	9.662.314.492
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	4.840.727.077	4.840.727.077
	15.594.352.741	14.503.041.569

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Cam kết thuê hoạt động

Công ty có các hợp đồng thuê đất hàng năm tại số 428 Nguyễn Tất Thành; 438 Nguyễn Tất Thành và số 36 Nguyễn Thị Minh Khai để sử dụng với mục đích làm trụ sở văn phòng. Diện tích khu đất thuê lần lượt là 1.167 m²; 143,4 m² và 431 m². Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm theo quy định hiện hành của Nhà nước.

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2021	01/01/2021
- Đồng đô la Mỹ (USD)	610.521,81	404.753,51
- Đồng Euro (EUR)	0,70	0,70

c) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Công ty Cổ phần Vận Tải Biển Thu Bồn	178.526.524	178.526.524
- Alize Commodities - Paris	713.944.000	713.944.000

23 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	17.000.105.391	18.098.524.892
Doanh thu cung cấp dịch vụ	485.825.065.554	403.065.957.999
	502.825.170.945	421.164.482.891

24 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Giảm giá hàng bán	363.777.987	5.700.508.321
	363.777.987	5.700.508.321

25 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	16.470.159.913	17.043.514.851
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	446.823.596.828	512.776.452.203
	463.293.756.741	529.819.967.054

26 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.393.868.010	543.615.090
Lãi bán các khoản đầu tư	67.312.865	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	626.531.659	796.190.380
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	8.599.047.830	2.680.154.107
	10.686.760.364	4.019.959.577

27 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền vay	86.047.356.982	58.439.705.503
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	2.084.939.517	2.488.143.798
Chi phí tài chính khác	211.525.906	86.921.250
	88.343.822.405	61.014.770.551

28 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí hoa hồng môi giới	6.866.554.072	2.369.737.876
	6.866.554.072	2.369.737.876

29 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	999.317.356	642.100.769
Chi phí nhân công	15.861.639.002	15.553.675.228
Chi phí khấu hao tài sản cố định	373.373.071	607.642.719
Thuế, phí, lệ phí	1.242.111.653	2.518.094.029
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	(1.513.515.211)	1.513.515.211
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.082.075.136	5.252.660.254
Chi phí khác bằng tiền	2.725.063.963	2.365.752.553
	24.770.064.970	28.453.440.763

30 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	258.772.727	-
Các khoản bồi thường khắc phục sự cố tàu	-	885.876.155
Nghĩa vụ nợ được giảm khi thực hiện xong hợp đồng mua bán nợ với Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC)	119.977.169.788	-
Thu nhập khác	74.161.182	543
	120.310.103.697	885.876.698

31 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí quản lý nợ của Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC)	2.751.031.420	-
Chi phí lãi phạt đối với các khoản vay đã quá hạn	46.245.412.624	92.013.369.186
Chi phí khác	760.167.440	8.985.619.268
	49.756.611.484	100.998.988.454

32 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty con SCC	2.301.122.376	2.742.775.253
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.301.122.376	2.742.775.253
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	(1.203.869)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	(302.714.296)	(22.565.631)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(1.707.894.634)	(3.022.923.918)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	289.309.577	(302.714.296)

33 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	(2.039.760.272)	(305.643.173.280)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(2.039.760.272)	(305.643.173.280)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	62.999.337	62.999.337
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(32)	(4.852)

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

34 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	32.022.206.759	64.850.688.707
Chi phí nhân công	210.182.378.151	238.339.295.221
Chi phí khấu hao tài sản cố định	144.741.427.432	145.117.395.817
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.524.246.242	10.714.716.272
Chi phí khác bằng tiền	92.457.700.532	84.577.534.825
	494.927.959.116	543.599.630.842

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	1.099.939.961.344	1.264.270.115.633
Phải trả người bán, phải trả khác	86.966.946.541	113.785.485.689
Chi phí phải trả	1.114.935.353.307	985.457.633.730
	2.301.842.261.192	2.363.513.235.052

© * M.S.D.N. * H.H.W.

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.409.760.141	-	-	19.409.760.141
Phải thu khách hàng, phải thu khác	90.442.143.659	22.279.281.482	-	112.721.425.141
	<u>109.851.903.800</u>	<u>22.279.281.482</u>	<u>-</u>	<u>132.131.185.282</u>
Tại ngày 01/01/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	31.450.612.063	-	-	31.450.612.063
Phải thu khách hàng, phải thu khác	11.130.722.553	23.306.265.730	-	34.436.988.283
	<u>42.581.334.616</u>	<u>23.306.265.730</u>	<u>-</u>	<u>65.887.600.346</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2021				
Vay và nợ	1.057.459.190.206	42.480.771.138	-	1.099.939.961.344
Phải trả người bán, phải trả khác	78.562.357.363	8.404.589.178	-	86.966.946.541
Chi phí phải trả	1.114.935.353.307	-	-	1.114.935.353.307
	2.250.956.900.876	50.885.360.316	-	2.301.842.261.192
Tại ngày 01/01/2021				
Vay và nợ	1.069.215.365.317	195.054.750.316	-	1.264.270.115.633
Phải trả người bán, phải trả khác	105.380.896.511	8.404.589.178	-	113.785.485.689
Chi phí phải trả	985.457.633.730	-	-	985.457.633.730
	2.160.053.895.558	203.459.339.494	-	2.363.513.235.052

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

36. THÔNG TIN KHÁC

Công ty vi phạm thời hạn thanh toán hợp đồng vay, các ngân hàng đã kiện Công ty ra Tòa, đồng thời 2 bên vẫn đang tiếp tục đàm phán để tìm kiếm giải pháp tối ưu. Vì vậy tiềm ẩn các rủi ro tiềm tàng như sau:

- Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Hà Nội liên quan hợp đồng tín dụng trung hạn số 01261206/01TĐN ngày 02/01/2007 tại Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Hà Nội và hợp đồng sửa đổi bổ sung số 01261206/01TĐN/SĐBS-4 ngày 25/5/2013. Ngày 12/12/2018, Tòa án nhân dân Quận 4 có quyết định số 10/2018/QĐST-KDTM chuyển vụ việc lên Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết theo thẩm quyền. Ngày 15/07/2020, Tòa án đã hủy bản án sơ thẩm do bên Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Hà Nội chưa tập hợp đủ hồ sơ khởi kiện để Tòa án có thể thụ lý và tiến hành các thủ tục tố tụng. Vụ kiện này được tạm hoãn để bên ngân hàng tiếp tục bổ sung hồ sơ.
- Ngân hàng TMCP Á Châu - Sở Giao dịch Tp. Hồ Chí Minh liên quan Hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số SGD.DN.01220108 ngày 22 tháng 01 năm 2008, hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số SGD.DN.01130312/MMLC ngày 22 tháng 03 năm 2012, Hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số 41222579/SĐBS07 ngày 28 tháng 05 năm 2008: Đã có bản án sơ thẩm ngày 25/9/2018 của Tòa án Nhân dân Tp. Hồ Chí Minh, trong đó Tòa án quyết định Công ty phải thanh toán ngay toàn bộ gốc vay và lãi chậm trả. Công ty chưa đồng ý với phán quyết của Tòa sơ thẩm nên ngày 25/12/2018 đã nộp đơn xin phúc thẩm tại Tòa án Nhân dân cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh.
- Theo hợp đồng cấp tín dụng doanh nghiệp số 1007968.A.10. HDTĐ.HCM ngày 01 tháng 06 năm 2010 mà Ngân hàng Indovina và Ngân hàng TMCP Bảo Việt là đồng tài trợ, Ngân hàng TMCP Bảo Việt là đại diện, Ngân hàng Indovina đã khởi kiện Công ty ra Tòa án nhân dân Quận 4 - thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 27/11/2018, Tòa án Nhân dân Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh có Quyết định 09/2018/QĐST-KDTM chuyển vụ việc lên Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết theo thẩm quyền. Hiện tại vụ án vẫn chưa được xét xử.

- Đến thời điểm hiện tại, đối với vụ kiện (b) nêu trên tòa án vẫn chưa tiến hành xét xử phiên phúc thẩm. Tuy nhiên, trong năm 2021 Công ty đã bắt đầu trả một phần nợ gốc cho Ngân hàng dựa trên khả năng tài chính của Công ty.

37 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

38 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động vận tải biển	Hoạt động kinh doanh khác	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	360.113.969.450	142.347.423.508	502.461.392.958
Chi phí bộ phận trực tiếp	342.264.205.817	121.029.550.924	463.293.756.741
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	17.849.763.633	21.317.872.584	39.167.636.217
Tổng chi phí mua TSCĐ	2.513.418.182	-	2.513.418.182
Tài sản bộ phận trực tiếp	637.171.635.665	5.017.101.135	642.188.736.800
Tổng tài sản	637.171.635.665	5.017.101.135	642.188.736.800
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	2.363.170.521.802	(4.669.128.311)	2.358.501.393.491
Tổng nợ phải trả	2.363.170.521.802	(4.669.128.311)	2.358.501.393.491

Theo khu vực địa lý

	Quốc tế	Trong nước	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	488.693.112.958	13.768.280.000	502.461.392.958
Tài sản bộ phận			642.188.736.800
Tổng chi phí mua TSCĐ			2.513.418.182

39 . NGHIỆP VỤ VÀ SỔ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty không có các giao dịch phát sinh trong năm và sổ dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan.

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	510.359.353	264.444.173
Ông Trịnh Hữu Lương	510.359.353	264.444.173
Thu nhập của các thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.539.775.451	731.416.411
Ông Huỳnh Nam Anh	549.237.835	238.600.037
Bà Phạm Thị Cẩm Hà	18.000.000	18.000.000
Ông Nguyễn Minh Cường	16.000.000	16.000.000
Bà Mai Thị Thu Vân	390.926.164	188.991.486
Ông Tạ Văn Thắng	143.759.402	109.151.064
Ông Vương Nguyễn Triều Quang	365.852.050	160.673.824
Ông Nguyễn Thanh Ngọc	28.000.000	-
Ông Trần Trung Dũng	28.000.000	-

40 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Lê Kim Phụng
Kế toán trưởng

Mai Thị Thu Vân
Phó Tổng Giám đốc Tài chính



Trịnh Hữu Lương
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2022



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI
VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Số : 77 /TCKT

V/v: Giải trình kết quả kiểm toán
BCTC Tổng hợp và Hợp nhất năm 2021.

TP Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2022

Kính gửi :

- Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện Điều 11 tại Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam (Mã chứng khoán: VST) xin giải trình các nội dung tại Báo cáo Tài chính (BCTC) kiểm toán năm 2021 như sau:

1. Kết quả kinh doanh năm 2021:

Đơn vị tính: triệu đồng

CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước	So sánh (tăng + / giảm -)	
			Giá trị	%
Tổng doanh thu tại BCTC Hợp nhất	633.822	426.070	207.752	49%
<i>Trong đó, Tổng doanh thu tại BCTC Tổng hợp</i>	458.781	234.998	223.783	95%
Lợi nhuận sau thuế TNDN tại BCTC Hợp nhất	-2.040	-305.643	303.603	
<i>Trong đó, lợi nhuận sau thuế TNDN tại BCTC Tổng hợp</i>	-9.281	-309.132	299.851	

Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC, theo đó kết quả kinh doanh năm 2021 lỗ hơn 2 tỷ đồng, giảm lỗ gần 304 tỷ so với cùng kỳ năm 2020, vì những nguyên nhân sau:

- Doanh thu thuần tăng hơn 87 tỷ đồng so với năm 2020, một phần do giá cước vận tải được cải thiện và do tăng doanh thu cho thuê thuyền viên sau thời gian giãn cách vì dịch bệnh Covid-19.

- Tổng chi phí giảm 97 tỷ, trong đó nhiên liệu và cảng phí giảm 41 tỷ, chi phí vật liệu và chi phí khác giảm 37 tỷ do đội tàu đi thuê định hạn, không có tàu tự khai thác, chi phí quản lý giảm 4 tỷ đồng.

- Thu nhập khác tăng gần 120 tỷ do được giảm trừ nghĩa vụ trả nợ đối với khoản vay mua tàu VTC Ocean.

2. Ý kiến kiểm toán:

Báo cáo tài chính năm 2021 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC có nêu ý kiến ngoại trừ liên quan khả năng hoạt động liên tục, do bởi chỉ tiêu lũy kế

lợi nhuận kế toán âm và nợ ngắn hạn vượt tài sản ngắn hạn, đây là đặc điểm chung của các doanh nghiệp vận tải biển trong thời gian tái cơ cấu. Hiện tại, Công ty vẫn duy trì hoạt động SXKD ổn định nhờ dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trong kỳ dương hơn 41 tỷ đồng.

Công ty tiếp tục thực hiện các giải pháp khắc phục như sau:

1- Theo dõi chặt chẽ diễn biến thị trường, chủ động tìm kiếm giải pháp mới trong kinh doanh, hướng đến mục tiêu tăng thu - giảm chi, góp phần giảm lỗ, chờ cơ hội thị trường hồi phục.

2- Đàm phán với các Ngân hàng để tìm kiếm phương án tái cơ cấu nợ tối ưu giúp giảm chi phí lãi vay.

3- Ưu tiên cho việc duy trì và quản lý chất lượng nguồn nhân sự.

Trên đây là ý kiến giải trình của VST kính trình Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước và Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội được biết.

Trân trọng kính chào.

Nơi nhận:

- Như trên
- HĐQT, BKS (báo cáo)
- Tky Cty
- Lưu VT, TCKT

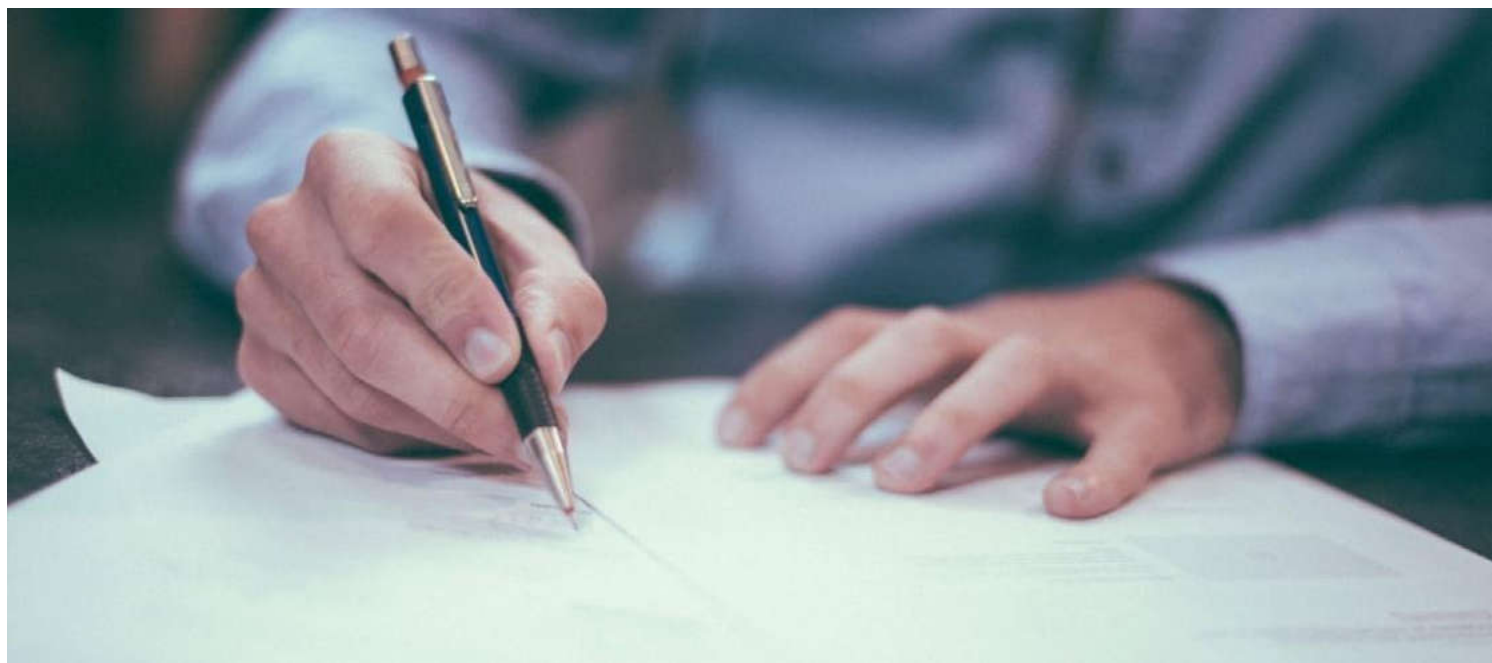


TỔNG GIÁM ĐỐC

Trịnh Hữu Lương

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2021



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 04 năm 2022

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC



Trịnh Hữu Lương